

HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT ĐỒNG NAI

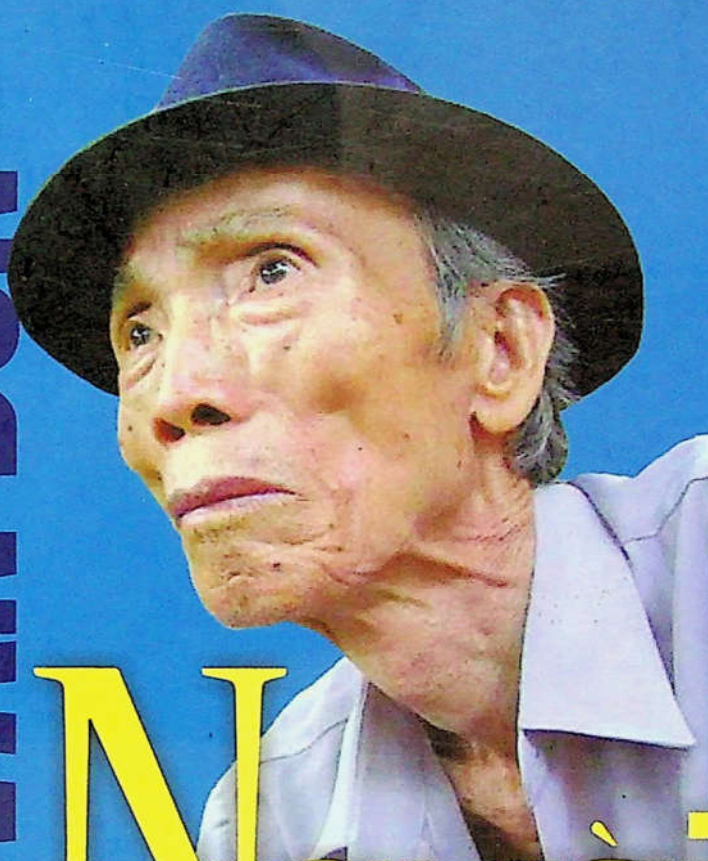
PGS. TS Huỳnh Văn Tới
chủ biên

895.922 34

ĐC

NG 558 C

HOÀNG VĂN BÓN



Người của Miền đất ven sông



NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI - 2016

**NGƯỜI CỦA MIỀN ĐẤT VEN SÔNG
HOÀNG VĂN BỔN**

HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT ĐỒNG NAI
PGS. TS HUỲNH VĂN TỚI (Chủ biên)

**NGƯỜI
CỦA MIỀN ĐẤT VEN SÔNG
HOÀNG VĂN BỒN**

THƯ VIỆN TỈNH ĐỒNG NAI
SÁCH TẶNG

2017/ĐC/VL 00001167

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI - 2016

Người của miền đất ven sông Hoàng Văn Bồn

PGS. TS HUỲNH VĂN TỚI

Chủ tịch Ủy ban MTTQVN tỉnh Đồng Nai.

“Văn hóa là cái còn lại khi người ta đã quên đi tất cả, là cái vẫn thiếu khi người ta đã học tất cả” (Edouard Herriot). Mười năm đã qua (kể từ 12.5.2016), một *“miền đất ven sông”* gắn với sự nghiệp nhà văn Hoàng Văn Bồn là *“cái còn lại”* để người đời luôn nhớ, luôn tìm hiểu.

Thật kỳ lạ, một miền đất nghèo khó thuộc Tân Uyên - Biên Hòa xưa ở trung nguồn sông Đồng Nai chỉ với vài cây số vuông đã sản sinh 4 nhà văn lớn: Bình Nguyên Lộc (1914 - 1987); Huỳnh Văn Nghệ (1914 - 1977) Lý Văn Sâm (1921 - 2000), Hoàng Văn Bồn (1930 - 2006). Vùng đất “địa linh” sinh nhân kiệt này, còn phải nghiên cứu, tìm hiểu thêm căn nguyên, ngọn ngành.

Về nhà văn Hoàng Văn Bồn, cuộc đời và sự nghiệp đã được ghi danh trong tự điển văn học. Công chúng đã biết nhiều qua Wikipedia: Hoàng Văn Bồn tên thật là Huỳnh Văn Bản (7/5/1930 - 12/5/2006) sinh tại ấp Long Chiến, xã Bình Long, quận Tân Uyên, tỉnh Biên Hòa nay là huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Tham gia kháng chiến tháng 8 năm 1945. Là hội viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam. Nguyên là Chủ tịch Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Đồng Nai.

Hoàng Văn Bốn là nhà văn tiêu biểu của hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ; là nhà văn lớn của đất Đồng Nai - Nam bộ. Sự nghiệp lưu danh của ông có thể được nhớ gọn: Hơn 50 đầu sách, hơn 20 kịch bản phim, nhiều giải thưởng danh giá, trong đó, Giải thưởng Cửu Long năm 1952, Giải thưởng Nhà nước 2007.

Kỷ niệm 86 năm ngày sinh và 10 năm ngày mất của nhà văn Hoàng Văn Bốn, Hội Văn học nghệ thuật Đồng Nai phối hợp Nhà Xuất bản Đồng Nai tổ chức hội thảo để người yêu văn học xứ Đồng Nai có dịp cùng nhau tưởng niệm và kết đọng giá trị để đời của một nhà văn “cây cao bóng cả”. Hội thảo khoa học, nghĩa tình, trách nhiệm được Tỉnh ủy - UBND tỉnh tạo điều kiện thuận lợi, tổ chức tại Văn miếu Trấn Biên ngày 7.5.2016, có sự góp mặt của gia đình, đồng nghiệp, các nhà văn nhà giáo ở các trường đại học TP HCM và các tỉnh bạn. Hơn 30 ý kiến tham luận (bằng nhiều hình thức văn, thơ, ca cổ) đã tích hợp các giá trị nhiều mặt của nhà văn Hoàng Văn Bốn đọng lại trong đời:

- Một nhà văn được thử thách và trưởng thành từ cuộc sống kháng chiến, bền chắc như vàng thử lửa. Một nhà văn - chiến sĩ đã đi khắp mọi miền đất nước; sống trọn một đời sống kháng chiến chống Pháp - chống Mỹ - xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; nhiều dịp được giao tiếp với bạn bè quốc tế, qua đó “*cảm và hiểu rõ mình hơn*”. Nhà văn để lại dấu ấn của một miền đất ven sông với hình bóng “*của quê hương gian lao mà anh dũng*”, thấm đượm nghĩa tình “*khoai củ*” (đậm sắc thái trong lành, hữu tình, hồn nhiên, ân nghĩa, tang thương, quật khởi).

- **Một tấm gương lao động:** Làm việc không ngừng, không mệt mỏi. Dường như không dừng chân lâu ở một địa điểm nào. Tình thông vũ khí văn chương và điện ảnh. Khối lượng tác phẩm đáng kính nể và chất lượng đáng nhớ. Lao động miệt mài trong mọi điều kiện đơn giản nhất. Đời sống bình dị, cảm nhận tinh tế. Hệ thống giải thưởng đẳng cấp (cả hai lĩnh vực văn chương và điện ảnh).

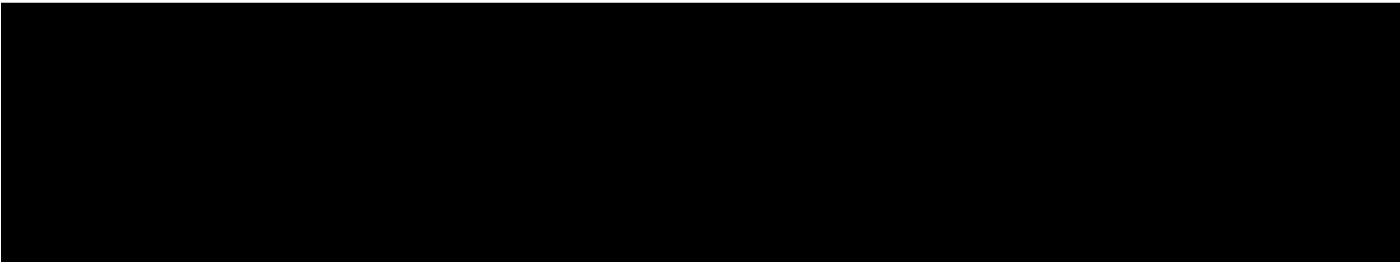
- **Một tấm lòng nhân văn:** Cảm hứng yêu thương là chủ đạo (yêu quê hương - con người - nghề văn). Viết về cái xấu, về sự căm giận cũng đầy yêu thương. Am hiểu con người. Dành nhiều cảm xúc cho nhân vật yếu thế (cái đẹp của thôn nữ, nhân tính của người điên, cá tính của thiếu nhi). Cảm xúc thiêng liêng đối với truyền thống, tập quán của ông bà.

- **Là người gieo hạt vườn ươm:** Nhà văn Lý Văn Sâm gọi Hoàng Văn Bôn là “người ươm mầm” cho vườn văn của xứ Đồng Nai. Nhà văn Hoàng Văn Bôn nêu quan điểm: *“Hội Văn học nghệ thuật là “vườn ươm” cho cánh trẻ chứ không phải là bàn trà cho lão làng”*; chính mình làm tấm gương mẫu mực thực hiện quan điểm ấy. Khi nằm bệnh sắp về với “thế giới người hiền”, ông còn dặn dò: Hội mình luôn là “vườn ươm” để cho các cây bút trẻ thấm sắc, tỏa hương. Ông được ghi nhớ là “người làm vườn” của “vườn ươm” văn nghệ Đồng Nai.

Kết quả của hội thảo thể hiện ý nghĩa: Kết nối tấm lòng, trách nhiệm đối với nhà văn Hoàng Văn Bôn; tưởng nhớ 10 năm ngày mất để vun đắp cho nhiều năm trường tồn những giá trị kết tinh từ cuộc đời và sự nghiệp của nhà văn; kết đọng giá trị văn hóa đã có để đúc kết bài học cần

có trong bối cảnh quê hương đất nước không ngừng phát triển. Người yêu văn học và người cầm bút có thể học ở Hoàng Văn Bôn bài học sâu sắc về phẩm chất một nhà văn: Lòng yêu người - yêu nghề, đạo lý cầm bút, chí hướng nghề nghiệp, kỹ năng sáng tác, trách nhiệm với tương lai...

Tập kỷ yếu này được ấn hành dù chưa đầy đủ văn bản nhưng tràn đầy tấm lòng tri ân: Tri ân đất nước, quê hương và gia đình đã sinh dưỡng nhà văn Hoàng Văn Bôn; tri ân nhà văn Hoàng Văn Bôn về giá trị văn hóa để lại cho đời... Sự tri ân hiện thực nhất là những hoạt động tiếp theo cần thiết để tích hợp giá trị Hoàng Văn Bôn trong hệ thống giá trị văn hóa ở xứ Đồng Nai.



Phần I

VƯỜN ƯƠM

Đời người - đời văn

HUỲNH VĂN TỎI

Lắng lòng nghĩ về người lính, người cầm bút, bồi hồi nhớ đến chú Chín - Hoàng Văn Bồn - một bậc “tiền hiền” khai mở sự nghiệp của Hội Văn học nghệ thuật Đồng Nai. Nói đến “tiền hiền” của Hội Văn học nghệ thuật Đồng Nai, ai cũng nhớ cả một thế hệ vàng của “làng văn” Đồng Nai, trong đó, nhà văn Lý Văn Sâm là “người anh cả”, biểu tượng của nhà văn cách mạng, Chủ tịch đầu tiên của Hội Văn học nghệ thuật Đồng Nai. Nhưng chính nhà văn Lý Văn Sâm gọi Hoàng Văn Bồn là “người ươm mầm” cho vườn văn của xứ Đồng Nai. Bởi vì, nhà văn Hoàng Văn Bồn có quan điểm ấn tượng về vai trò, chức năng của Hội Văn học Nghệ thuật: Là “vườn ươm” cho cánh trẻ chứ không phải là bàn trà cho lão làng. Nói vậy, nghĩ vậy, chú Chín tận tâm tận lực vun đắp cho Hội vì mục đích như vậy. Còn nhớ, khi nằm bệnh sắp về với “thế giới người hiền”, Chú Chín Bồn vẫn dặn dò: Hội mình luôn là “vườn ươm” để cho các cây bút trẻ thấm sắc, tỏa hương. Cho nên, nhớ người lính - nhà văn Hoàng Văn Bồn, càng nhớ “người làm vườn” của “vườn ươm” văn nghệ Đồng Nai.

Nỗi nhớ thôi thúc đọc lại những trang viết cũ, cảm thấy giá trị của nhà văn Hoàng Văn Bồn vẫn luôn tươi mới, đó là: “Dấu ấn của một đời người - một đời văn”.

Tên thật và bút danh “ngô ngô” đúng kiểu Nam bộ: Huỳnh Văn Bản - Hoàng Văn Bồn. Ngày sinh thật dễ nhớ: 7-5 (Chiến thắng Điện Biên Phủ) năm 1930 (thành lập Đảng

Cộng sản Việt Nam). Tiếp xúc với nhà văn Hoàng Văn Bôn rất dễ gần bởi gương mặt, giọng nói cười, cung cách ứng xử đều “rất” con người của “khoai củ”. Tên gọi “Chú Chín Bôn” của lớp trẻ dành cho nhà văn cũng rất thân quen, thấm đượm nghĩa tình dân dã.

Huỳnh Văn Bản sinh ra “trong một gia đình nông dân cố cựu ven sông Đồng Nai”, ở làng Bình Long, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Biên Hòa (Đồng Nai). “Trên mảnh đất này”, tác giả đã trải qua “Tuổi thơ ngọt ngào”, đã sống một đời sống kháng chiến cùng dân làng và đã khai bút bằng những trang viết máu lửa và thi vị. Hình bóng “của quê hương gian lao mà anh dũng” luôn là cảm hứng chủ đạo trong các chặng đời thường, đời văn. Bước chân của nhà văn - chiến sĩ - nghệ sĩ Hoàng Văn Bôn gần như đã đi khắp mọi miền đất nước; sống trọn một đời sống kháng chiến chống Pháp - chống Mĩ - xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; nhiều dịp được giao tiếp với bạn bè quốc tế để qua đó “cảm và hiểu rõ mình hơn”. Do vậy, trang viết của nhà văn Hoàng Văn Bôn bao quát nhiều sự kiện, giàu chất sống, đa thể loại, rộng không gian, liền mạch thời gian, để lại cho đời một “tủ sách” có thể gọi là “ấn tượng”. Với hơn 50 đầu sách, 21 kịch bản phim gồm một vạn trang viết, trong đó nhiều tác phẩm được giải quốc gia - quốc tế; đời người - đời văn của Hoàng Văn Bôn đã tạo một dấu ấn đỉnh đặc trong kho tàng văn học xứ Đồng Nai.

Bằng vốn liếng chữ nghĩa thời ấy gọi là nhiều và năng khiếu văn chương thiên phú, chàng trai Huỳnh Văn Bản sớm dấn thân vào nghiệp văn chương, bắt đầu bằng công việc dạy và viết phục vụ cách mạng. Cuộc sống kháng chiến dữ dội và hào hùng khiến tuổi thơ nhà văn không có thời gian mơ mộng theo mây gió mà cuốn hút ngay vào hiện thực “máu và hoa”.

Hiện thực dễ cảm nhận nhất là hình bóng quê nhà luôn da diết như chảy máu qua ngòi bút. Càng đi xa nhiều, nhà văn thường viết nhiều về quê hương. Quê hương của Hoàng

Văn Bốn vốn êm ả với đời sống “khoai củ”, với sông Đồng Nai trong lành, đại ngàn huyền bí, người và vật hồn nhiên, mưa nắng hữu tình, nghèo của cải nhưng rất giàu ân nghĩa. Quê hương ấy không được bình yên, tủi nhục trong đời sống nô lệ, quật khởi trong đấu tranh giành độc lập tự do, thành cái nôi của “Chiến khu Đ” lấy lòng, giàu kỳ tích chiến đấu, cũng rất nhiều mất mát, tang thương. Đó là nơi ấp ủ cho hồn thơ - ý văn nảy lộc đơm hoa. Ta hiểu, vì sao mà ngoài Hoàng Văn Bốn, những Lý Văn Sâm, Huỳnh Văn Nghệ, Bình Nguyên Lộc... cùng trưởng thành từ mảnh đất này!

Nỗi đau của đời riêng gắn với nỗi đau chung của bà con, xóm làng, của cả dân tộc trong hoàn cảnh nước mất nhà tan. Cho nên, nhiều khi viết về mình, về người thân, ngòi bút của Hoàng Văn Bốn khơi động dòng mạch cảm xúc của người đọc về những điều lớn lao của đất nước.

Cuộc hành trình đi vào đời văn của Hoàng Văn Bốn gian nan mà rất đẹp; đẹp ở chất sống, ở cách thể hiện và ở lý tưởng phụng sự. Cuộc sống kháng chiến là trường đại học lớn để nhà văn học tập và thể hiện mình. May mắn cho nhà văn Hoàng Văn Bốn được “Trường Đại học chiến khu” tôi luyện từ lúc mới chập chững hành văn. Ở đây, ác liệt, gian truân, gai góc, nghiệt ngã... Nhưng trưởng thành từ đây sẽ bền chắc như vàng thử lửa. Ở đây, mọi thứ: Hình sông, thể đất, đề tài, nhân vật, hương sắc, nghĩa tình... luôn sẵn cho nhà văn. Vấn đề là sự chọn lựa cho mình con đường, cách đi để sống được trong đời sống văn chương!

Nhà văn nào cũng vậy, đã cầm bút là chấp nhận sự dẫn thân, cống hiến. Cái khác nhau ở mỗi người là vì ai? Bằng cách nào?. Hoàng Văn Bốn từ “khoai củ” mà ra, cùng lũ người chân lấm tay bùn mà chiến đấu và viết. Do vậy, khó tìm ở Hoàng Văn Bốn những hình ảnh bóng bẩy hoặc lối văn nhiều ẩn ngữ. Văn Hoàng Văn Bốn mộc mạc, hồn hậu, chơn chất như cuộc sống vốn có, như chính tính cách của tác giả.

Sau tiểu thuyết *Vỡ đất*, *Bông hường bông cúc* được thai nghén, nhiều trắc trở, rồi cũng được được nhà văn Tô Hoài biên tập, Nhà xuất bản Văn nghệ thuộc Hội Nhà văn xuất bản năm 1957. Hoàng Văn Bồng trở thành Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam đợt kết nạp đầu tiên 1957.

Giai đoạn 1957-1962, ngòi bút như nở hoa sau những tháng ngày kết tinh nguyên khí, gần như mỗi năm cho ra đời một tác phẩm. Đáng kể nhất là những tác phẩm hồi ức về quê hương và tuổi thơ “xa ngái” làm lay động lòng người: *Có những lớp người* (1958); *Trên mảnh đất này* (1962); *Tướng Lâm Kỳ Đạt* (1962)... Sau đó, chủ đề về tuổi thơ, về quê hương được tái hiện nhiều lần qua các tác phẩm *Tuổi thơ trong làng*, *Đội quân Hoa và Cỏ*, *Bên kia sông Đồng Nai*, *Lũ chúng tôi*, *Ó ma lai*...

Qua trang viết của Hoàng Văn Bồng, tuổi thơ và quê hương, người và vật, thực và mơ... đan xen, hòa quyện nhau thành những hình ảnh thân quen và mới mẻ; ở đó những em bé hồn nhiên, những người cùng khổ, những mảnh đời bất hạnh hiện dần lên vẻ đẹp quê mùa, bình dị, bền chặt nghĩa tình. Ở đó, quê hương nhau rún của tác giả - vùng đất ven sông của chúng ta trở thành vùng đất “vàng trong lửa” với sức sống tràn đầy, hùng tráng và thơ mộng.

Những trang viết về quân đội, về cuộc chiến đấu của bộ đội và nhân dân trên khắp các chiến trường Bắc - Nam thực là những trang sử bay bổng chất thơ trong rừng rực lửa đạn. Bởi nó được viết bằng cảm xúc của nghệ sĩ ngay trong lửa đạn về những con người làm nên lịch sử. Với chủ đề này, ngoài vũ khí văn chương, Hoàng Văn Bồng có thêm vũ khí qua ống kính điện ảnh. Năm 1960, Hoàng Văn Bồng được phân công tham gia thành lập Xưởng phim Quân đội. Nhiệm vụ tổ chức xưởng phim, biên tập, biên kịch đều là sáng tạo để có tác phẩm nghệ thuật. Ông làm việc không mệt mỏi. Có cảm giác như ông không dừng chân lâu ở một địa điểm nào. Mới làm phim ở Đường 9 Nam Lào, đã có mặt

ở Hàm Rồng, Bạch Long Vĩ, Hòn Mê... Hơn 21 bộ phim ra đời trong 16 năm (1964-1980), quả là một kỳ tích trong lao động nghệ thuật, đáng nói là nghệ thuật của công nghệ cao, phối hợp trí tuệ và trái tim của nhiều người. Ở Hoàng Văn Bồng, giữa phim và văn chương dường như là một đôi cánh từ một chỉnh thể cuộc sống. Mỗi khi được sống với thực tế sinh động, xưởng phim lại có phim hay, liền đó Hoàng Văn Bồng lại xuất bản được tác phẩm ấn tượng. Những tác phẩm: Tập ký sự *Hàm Rồng*, *Sóng Hòn Mê*, tiểu thuyết *Nhớ phố phường* về đảo Bạch Long Vĩ, ký sự về đường Trường Sơn đánh Mĩ, *Bầu trời và mặt đất*, *Sóng bạc đầu*... ra đời trong trường hợp như thế...!

Năm 1980, sau khi hoàn thành bộ phim về chiến trường Campuchia và biên giới phía Bắc, ông mới được chuyển về “nơi đã ra đi” phụ trách Hội văn nghệ Đồng Nai, Nhà xuất bản Đồng Nai, vừa “ươm mầm” cho các cây bút trẻ, vừa tiếp tục hoàn thiện những trang viết đời mình. Trong khoảng thời gian này, ngòi bút nhà văn mới được thanh thản, chấp nối cho liên mạch những điều nung nấu. Có được sự tài trợ của Nhà nước, sự động viên của đồng chí - đồng nghiệp, đặc biệt là sự chăm sóc của “nội tướng - điểm tựa tài năng” hạnh phúc của nhà văn Hoàng Văn Bồng kết đọng vào ngòi bút, nhiều tác phẩm “dày trang” được khai sinh; đặc biệt bộ tiểu thuyết mang tính sử thi 1.500 trang *Nước mắt già biệt* ra đời trong dịp này.

Chuẩn bị kỷ niệm 30 năm giải phóng miền Nam thống nhất đất nước; Tỉnh ủy - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân - Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Đồng Nai đã chỉ đạo: Ngoài việc chuẩn bị các công trình xây dựng kinh tế - xã hội để đời, còn phải xây dựng hệ thống các giá trị văn hóa nghệ thuật - lịch sử cách mạng để lưu dấu cho đời sau. Chỉ đạo này đã được triển khai thực hiện từ nhiều năm trước. Trong kho tàng lịch sử - văn hóa - nghệ thuật

của tỉnh nhà, các tác phẩm của các thế hệ nhà văn, nhà phê bình nghiên cứu từng bước đã được sưu tầm, nghiên cứu, xuất bản hướng đến hoàn thiện các bộ tuyển tập ấn hành có hệ thống để lại cho đời. Các nhà văn: Huỳnh Văn Nghệ, Lý Văn Sâm, Bình Nguyên Lộc, Hoàng Văn Bốn được xem là “cây cao bóng cả” của văn học xứ Đồng Nai cần phải có tuyển tập xứng đáng. Qua đó, *Tuyển tập Hoàng Văn Bốn* (3 tập) được Nhà Xuất bản Đồng Nai ấn hành theo chương trình tài trợ xuất bản của UBND tỉnh. Nhà văn Hoàng Văn Bốn kịp đón mừng tập 1 đưa con tinh thần của mình, năm 2005.

Gia cảnh của nhà văn không giàu tiền của, nhưng sự giàu có của nhà văn hiếm ai có được: Giải thưởng Cửu Long 1952, giải thưởng văn học thiếu nhi do Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Nhà văn, Giải thưởng của Hội Nhà văn, Giải thưởng của Bộ Quốc phòng, các giải Bông sen vàng, Bông sen bạc và giải thưởng quốc tế cho nhiều kịch bản phim, đặc biệt là Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật năm 2007...

Ngần ấy đủ thấy gia tài của cuộc đời là vô giá. Nhưng niềm hạnh phúc nhất của nhà văn là thấy được “vườn ươm” của mình nở những tài năng đầy triển vọng. Nguyễn vọng tha thiết của nhà văn Hoàng Văn Bốn là trông thấy được đứa con hoàn thiện của mình chào đời, hội nhập vào kho tàng văn học nước nhà và những mầm non từ vườn ươm kia được vun đắp để lớp lớp nở hoa, kết trái, làm giàu hương sắc cho sự nghiệp văn chương xứ Đồng Nai.

Đời người - đời văn của nhà văn Hoàng Văn Bốn là một dấu ấn không phai. Ngòi bút có thể dừng nhưng văn mạch của nhà văn không dứt. Nó sẽ không nằm yên trong trang sách, đóng khung trong thư viện, bảo tàng mà hành trình cùng lớp lớp những người yêu văn chương hướng đến tương lai!¹

1 Bài viết lược trích Lời giới thiệu *Tuyển tập Hoàng Văn Bốn*, Nxb Đồng Nai, 2005.

Hoàng Văn Bốn

Một nhà văn phản ánh chân thật lịch sử

Thạc sĩ TRẦN QUANG TOA¹

Phó Chủ tịch Liên hiệp các hội KHKT Đồng Nai;
Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký Hội Sử học Đồng Nai

1. Theo Wikipedia, Hoàng Văn Bốn tên thật Huỳnh Văn Bốn sinh ngày 7/5/1930 tại ấp Long Chiến xã Bình Long quận Tân Uyên, tỉnh Biên Hòa nay là huyện Vĩnh Cửu tỉnh Đồng Nai. Một số tài liệu khác cho ông sinh ngày 7/5/1928 ấp xã, huyện tỉnh như trên. Ông vĩnh viễn từ già cõi đời mà ông đã tận hiến hết sức lực, chiến đấu không mệt mỏi cho sự nghiệp kháng chiến vì độc lập, vì quê hương cuộc sống, vì sự nghiệp văn chương cho “...mảnh đất này” đã tròn 10 năm (Ông mất ngày 12/5/2006).

2. Làng Bình Long quê ông có tên chính thức từ năm 1928 do sáp nhập 2 làng Bình Ninh, Long Lộc đều thuộc tổng Phước Vinh Hạ (lập năm 1821), quận Tân Uyên, tỉnh Biên Hòa. Trở về quá khứ trước đó, tổng Phước Vinh Hạ được tách ra từ tổng Phước Vinh thuộc huyện Phước Chánh, phủ Phước Long trấn Biên Hòa được thành lập từ những năm đầu triều Gia Long. Xa hơn nữa người Bình Long và cả những xã bên tả ngạn sông Đồng Nai (thuộc tổng Chánh Mỹ) đa phần có nguồn gốc quê hương từ miền Bắc, Ngũ Quảng di cư vào có thể do để tránh hoặc phản đối cuộc chiến tranh Trịnh - Nguyễn, có thể là những người có giòng máu phiêu lưu giang hồ trong người muốn khám phá và tìm đất sống mới; những người có tổ tiên theo chân Nguyễn Hữu Cảnh

vào vùng đất mới những năm cuối thế kỷ XVIII. Và con sông Đồng Nai trở thành gắn bó máu thịt với họ.

Từ năm 1956 dưới chế độ Việt Nam Cộng hòa các làng được gọi là xã, theo đó làng Bình Long thành xã Bình Long.

Ngày 23-1-1959 chính quyền Sài Gòn lập tỉnh Phước Thành¹ một tỉnh mới nhằm vào việc chia cắt đánh phá căn cứ Chiến khu Đ. Xã Bình Long quê ông cùng các xã Bình Phước, Bình Thạnh, Lợi Hòa, Tân Định, Tân Phú, Thiện Tân (trước thuộc tổng Phước Vĩnh Hạ) nay chuyển về thuộc tổng Chánh Mỹ Trung của quận Tân Uyên tỉnh Phước Thành. Phước Thành là tỉnh mới, nhưng địa bàn bị chia cắt bởi sông Đồng Nai không quản lý được, nên ngày 25-7-1961 chính quyền Sài Gòn lại chuyển các xã ở hữu ngạn sông Đồng Nai, trong đó có xã Bình Long về lại tỉnh Biên Hòa. Ngày 22-3-1963 chính quyền Sài Gòn thành lập quận Công Thanh² tỉnh Biên Hòa với 2 tổng Thanh Quan và Thanh Phong gồm 12 xã; xã Bình Long thuộc về tổng

1 Tỉnh Phước Thành thuộc miền Đông Nam bộ thành lập từ 23-1-1959, trụ sở đặt tại Phước Vĩnh, gồm có:

- Địa phận quận Tân Uyên, trừ khu Cây Gáo về phía đông nam và một phần đất về phía tây bắc;

- Một phần đất thuộc tỉnh Bình Dương về phía tây;

- Một phần đất thuộc tỉnh Phước Long về phía bắc;

- Một phần đất thuộc tỉnh Long Khánh về phía đông;

Tỉnh Phước Thành có 3 quận:

1. Quận Phú Giáo (quận lỵ tại Nước Vàng) gồm các xã: Bình Mỹ, Phước Hòa, Vĩnh Hoà (nguyên thuộc tổng Chánh Mỹ Hạ quận Tân Uyên cũ), Vĩnh Tân, Tân Bình và một phần xã Lại An (nguyên trước thuộc tỉnh Bình Dương), An Bình (nguyên thuộc tỉnh Phước Long).

2. Quận Tân Uyên (quận lỵ tại Tân Uyên) gồm toàn tổng Chánh Mỹ Trung, các xã: Bình Phước, Bình Long, Bình Thạnh, Lợi Hoà, Tân Định, Tân Phú, Thiện Tân (thuộc tổng Phước Vĩnh Hạ), các xã Tân Hoà, Tân Tích, Thường Lang (thuộc tổng Chánh Mỹ Hạ) và hai xã Tân Hiệp, Tân Hoà Khánh, nguyên thuộc tỉnh Bình Dương.

3. Quận Hiếu Liêm (quận lỵ đặt tại Vàm Sông Bé xã Chánh Hưng) gồm các xã Thái Hưng, Chánh Hưng (thuộc tổng Chánh Mỹ Hạ), Đại An, Trị An (thuộc tổng Phước Vĩnh Hạ, quận Tân Uyên cũ), một phần phía nam vùng Bunard (nguyên trước thuộc tỉnh Phước Long) và vùng Tà Lài (nguyên trước thuộc tỉnh Long Khánh).

Ngày 6-7-1965, tỉnh Phước Thành giải thể.

2 Quận Công Thanh thuộc tỉnh Biên Hòa thành lập mới từ ngày 22-3-1963 (Nghị định 267-NV của TT.VNCH), quận lỵ đặt tại xã Tân Phú. Quận Công Thanh gồm 2 tổng, 12 xã:

1. Tổng Thanh Quan gồm 6 xã: Bình Long, Lợi Hoà, Bình Phước, Tân Triều, Bình Ý, Bình Hoà.

2. Tổng Thanh Phong gồm 6 xã: Tân Phú, Bình Thạnh, Tân Định, Đại An, Trị An.

Thanh Quan. Đến ngày 6-7-1965, chính quyền Sài Gòn giải thể tỉnh Phước Thành, bởi thất bại trong âm mưu đánh phá Chiến khu Đ. Hơn nữa, bảy giờ trung tâm kháng chiến của miền Đông Nam bộ là Chiến khu Đ đã chuyển về bên hữu ngạn sông Đồng Nai.

Sau 30-4-1975, xã Bình Long thuộc huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Biên Hòa. Từ tháng 1-1976 thuộc Đồng Nai. Ngày 23-12-1985 thuộc thị xã Vĩnh An, cùng tỉnh. Ngày 12-2-1987 xã Bình Long sáp nhập cùng xã Lợi Hòa thành xã Bình Lợi, huyện Vĩnh Cửu. Xã Bình Long ngày nay chỉ còn phạm vi một ấp (Long Chiến) của xã Bình Lợi huyện Vĩnh Cửu.

3. Bình Long nơi ông sinh ra và lớn lên là một làng quê ven sông Đồng Nai, thuở xa xưa thường gọi dòng sông Phước, sông Phước Long, con sông chắt chứa biết bao huyền thoại, truyện kể dân gian, chuyên chở bồi đắp hàng hà phù sa để có những cánh đồng ruộng mía bạt ngàn, để có biết bao Cù lao ven sông cây lành trái ngọt. Bình Long một xã có lúc thuộc về Chiến khu Đ (theo phân ranh của chế độ Sài Gòn), rồi trở thành một xã ven căn cứ, một cửa ngõ quan trọng để vào đất huyền thoại Chiến khu Đ (qua bến đò Long Chiến quê ông), nơi sản sinh ra những nhân vật huyền thoại của Biên Hòa, miền Đông: Trần Văn Quỳ, người chỉ huy du kích khởi nghĩa Nam kỳ ở Biên Hòa; Huỳnh Văn Nghệ người chỉ huy lực lượng vũ trang Biên Hòa, một nhà thơ lớn của miền Đông luôn tự hào về quê hương, đất nước về nguồn cội dân tộc¹.

Lịch sử và tự nhiên đã có ảnh hưởng nhất định đến việc hình thành tính cách con người ở đây. Khi ông lên 5 tuổi thì tổ chức Đảng Cộng sản đã manh nha trên mảnh đất này. Khi ông 11 tuổi cuộc khởi nghĩa Nam kỳ thất bại. Bên kia sông xã Lạc An, quân Pháp càn quét khủng bố, bắn giết

1 Tháng 4/1946 tại hội nghị miếu Bà Cô Thiện Tân trong phái bộ quân sự miền Đông, Huỳnh Văn Nghệ đã tự hào, tự tin trả lời câu hỏi của viên sĩ quan Pháp dẫn đầu phái bộ chỉ huy quân Pháp ở miền Đông "Il est le Nord ou le Sud? Tức ông là người Bắc kỳ hay Nam kỳ? Je suis une période Nord il y a 300 ans, tức tôi là người Bắc kỳ hơn 300 năm".

tàn sát truy lùng những người lãnh đạo và yêu nước, đội du kích Nam kỳ khởi nghĩa do Trần Văn Quý chỉ huy rút vào rừng Tân Uyên trở thành như một huyền thoại Karler (của Đức thời trung cổ) chắc hẳn in đậm trong ký ức của ông. 15 tuổi ông chứng kiến cách mạng tháng Tám thành công. Giòng thác cách mạng đã lôi cuốn chàng thanh niên Huỳnh Văn Bản cùng bao lớp thanh niên địa phương tham gia Thanh niên Tiền phong.

Năm 1946, thoát ly gia đình vào kháng chiến ở Tân Uyên ở phòng giáo dục để 3 năm sau trở thành Trưởng phòng giáo dục huyện khi mới 20 tuổi. Thầy trò có khi tuổi suýt soát nhau cùng chặt cây, đánh lá xây trường lớp thực hiện một trong 6 nhiệm vụ quan trọng của Hồ Chủ tịch đề ra: “Diệt giặc đói”. Hai năm sau (1952) ông vào bộ đội được cử đi học trường quân sự Trần Quốc Tuấn (miền Tây Nam bộ) trực tiếp chiến đấu với kẻ thù, công tác văn hoá quân đội tại phân liên khu miền Tây Nam bộ. Tham gia các chiến dịch Rạch Giá, An Biên, Hộ Phòng, Bảy Háp... vẫn ngóng trông về quê hương với bao ký ức hằn sâu về con sông Đồng Nai, về bè bạn, gia đình, về đồng đội, về cuộc sống gian khổ nhưng đầy nghĩa tình trong chiến khu rừng thẳm, trong tình thương yêu đùm bọc của nhân dân quê hương... Những kỷ niệm sâu sắc đó đã được ông thể hiện bằng ngòi bút thật sống động qua những trang viết chân thật và sống động.

Năm 1954, tập kết ra miền Bắc, cùng sống lao động học tập trong tình yêu thương của nhân dân miền Bắc. Rồi đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh đánh phá miền Bắc, chiến tranh lan ra cả nước. Người bộ đội Huỳnh Văn Bốn lại lên đường trở thành một quân nhân chuyên nghiệp không chỉ với khẩu súng, mà cả bằng ngòi bút, máy quay phim để có những kịch bản phim tại chiến trường ghi lại cuộc chiến đấu trên bộ, trên không anh dũng hào hùng của quân dân cả nước cho độc lập dân tộc.

Cuộc đời Huỳnh Văn Bốn gắn liền với sự ra đời của Nhà nước mới, với hai cuộc kháng chiến chiến thần thánh của dân tộc. Từ người thầy giáo dạy chữ đến người sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam, một phóng viên chiến trường thực thụ luôn bám sát chiến trường gian khổ nhất để xây dựng kịch bản phim, quay phim, đạo diễn phim góp phần làm nên một nền điện ảnh cách mạng Việt Nam. Năm 1980, ông quay về Đồng Nai làm Phó Chủ tịch Hội Văn học nghệ thuật tỉnh, rồi Giám đốc Nhà xuất bản tổng hợp Đồng Nai. Ở đâu, chiến trường nào, ở cương vị nào lẽ sống của ông cũng chỉ có một: Vì đất nước, ca ngợi quê hương, ca ngợi cuộc sống với những con người biết yêu thương và đấu tranh chính nghĩa. Nghề viết văn, làm phim đến với ông tự nhiên như số mệnh khi ông luôn đặt mình vào giòng chảy dân tộc. *“Tôi trở thành nhà văn là hoàn toàn do cách mạng, kháng chiến và quân đội. Tôi sáng tác như một sự phân công của cách mạng. Suốt 30 năm cầm bút tôi phải phục vụ sự nghiệp cứu nước... Tôi rất hài lòng về điều này”*.

4. Hoàng Văn Bốn, một nhà văn với sức sáng tạo và bút lực thật dồi dào, viết và sáng tạo không ngơi nghỉ. Thời gian với ông quý giá biết bao: *“Tôi viết bất cứ giờ trống nào, ở chỗ nào, nhất là lúc thiên hạ vui chơi, liên hoan chiến thắng, nghỉ ngơi... Trên ô tô ra chiến dịch, tôi tranh thủ chữa, viết. Bị bom đánh, anh em tôi nhảy xuống, xong lại viết tiếp. Ban đêm lúc mọi người ngủ, tôi viết. Viết lúc họp hội nghị Đảng ủy, viết lúc học tập chính trị... viết lúc B52 cạo gọt các ngọn đồi chung quanh, xiết vòng vây vào chỗ hầm tôi... Nói chung, đến nay, tôi chưa có một dịp nào thảnh thơi, chưa có dịp nào gọi là chuyên để sáng tác cả...”*. Hiện thực chiến tranh, những chuyến đi về quê hương, gặp gỡ những bạn bè xưa, gia đình, những người học trò, đồng nghiệp, cuộc sống... đều trở thành chất liệu sáng tác của ông. Đời sống vất vả, nhưng ông luôn là “người giàu có”, sự giàu có đó do chính ông tạo ra bằng niềm đam mê, về khát vọng về sự

sáng tạo không ngại. Tác phẩm ông để lại 50 cuốn gồm tiểu thuyết, tập truyện ngắn, bút ký, ký sự, chân dung; 25 kịch bản phim được dựng và chiếu, và hàng ngàn bài báo văn học khác với nhiều giải thưởng về văn học và điện ảnh.

5. Với tôi, ông không chỉ là nhà văn, mà còn là nhà chép sử trung thực bằng văn chương và ngôn ngữ sâu sắc với sự quan sát tinh tế mà dễ hiểu dễ tiếp thu. Về tội ác của thực dân xâm lược trong cuộc tàn sát ở quê hương mình, ông viết: *“Từ đầu làng đến cuối làng lửa đỏ trời. Nhà cửa, mía đám, ruộng nương, mía, đậu xanh, đậu phộng trong bồ...cháy hết. Khói đen bầu trời. Khắp đường làng, Xóm Gò, Xóm Miếu, ấp Bình Ninh, cầu Ba Bướm đầy nghẹt người Bình Long bị lừa, bị đánh đập tại trận, bị rượt bắn, bị trói dẫn thành hàng dài từ đầu xóm đến cuối xóm, Tây trắng, Tây đen, lính pac-ti-dăng, lính đạo Cao Đài phản động vung súng la hét...Nhiều người lủi vô mía đám, lủi xuống bờ sông, nhẩy đại xuống sông, trèo cây, chui hầm bí mật. Tụi Tây phục kích sẵn từ bên kia bờ sông, xả súng, nã đại bác vào giữa đám người đang vượt sông. Nước con sông Đồng Nai đỏ ngầu máu”*. Chỉ một đoạn văn ngắn như trên, ông còn cho thấy âm mưu lợi dụng đạo giáo của thực dân để gây chia rẽ dân tộc đánh phá kháng chiến ở Biên Hòa thời kháng chiến chín năm, mà các nhà sử học phải diễn giải nhiều trang.

Những trang ông ghi lại nỗi đau mất mát của gia đình mình trong chiến tranh có tính chất điển hình cho biết bao gia đình dân miền Nam trong bối cảnh lịch sử ngọt ngào của cuộc chiến tranh xâm lược phi nghĩa của thực dân, đế quốc và tay sai ở miền Nam, với những âm mưu và tội ác tày trời: *“Những năm 1945 - 1958, gia đình tôi bị Pháp giết hại nhiều quá. Anh Năm tôi bị chúng cắt cổ tại đầu làng. Ba tôi uất ức và chết sau hai ngày cái chết của anh Năm tôi. Anh Tám tôi đi bộ đội, bị thương, bị chúng bắt giam, tra tấn, chết sau khi thả ra hai tháng. Má tôi lên chiến khu thăm con bị*

chúng bắn bị thương. Anh Bảy, anh Tư, anh Ba tôi cũng bị bắt giam, bị tra tấn...làng tôi bị biến thành vành đai trắng từ đó đến 1975". "Ba chục năm trời, chồng và bảy người con và các cháu lần lượt bị giết trước mặt mẹ...Cái bảng "gia đình Việt cộng" màu đen lúc nào cũng treo trước cửa nhà. Nghĩa là lúc nào chúng muốn bắn, muốn giết, tùy chúng".

Hiện thực và tư tưởng, tâm hồn ông, cách sống, sự suy nghiệm, cách viết của ông thể hiện sự vô cùng trách nhiệm của một người cầm bút đúng như ông nói: *"Với chúng tôi, mỗi trang bản thảo đều đổi bằng cái giá không biết thế nào mà tính được. Đắng cay lắm. Giờ đây, khi còn sống ngồi viết lại những dòng này, tôi càng thấm thía rằng mỗi một dòng, một trang sách đổi với chúng tôi (ít tài năng) chúng tôi phải trả bằng cả cuộc đời, bằng trăm nghìn thứ hy sinh trên đời này".*

Xin tạm mượn lời cố nhà văn Nguyễn Đức Thọ, người được Hoàng Văn Bôn dìu dắt, yêu thương, quý mến tài văn, nhưng đoản mệnh nhận định về ông để kết thúc bài tham luận: *"Thế hệ nhà văn các ông là thế hệ may mắn dù nhiều thời gian khó và có lúc cay đắng. Thế nhưng khi kể lại, ngòi bút của ông dường như không cay cú, không hờn dỗi... Một thế hệ nhà văn đã sống hết mình với đại nghĩa dân tộc và hết mình với văn chương, chỉ luôn mang trong mình mặc cảm lương thiện, viết cái gì cho xứng đáng với danh hiệu nhà văn".*

Đóng góp của Hoàng Văn Bôn cho tiểu thuyết kháng chiến

PGS. TS VÕ VĂN NHƠN

Trường Đại học KHXH & NV - Đại học Quốc gia TP. HCM.

Hoàng Văn Bôn là một nhà văn tiêu biểu của Đồng Nai nói riêng và Đông Nam bộ nói chung. Cả cuộc đời của ông gần như dành hết cho tiểu thuyết. Gần hai mươi tiểu thuyết được ông viết trong suốt đời văn, điều này cho thấy sức sáng tạo dồi dào và niềm say mê thể loại này ở ông. Và đáng chú ý nhất, đóng góp lớn nhất của ông cho tiểu thuyết Việt Nam hiện đại, đó chính là những tiểu thuyết viết về cuộc kháng chiến chống Pháp, khoảng thời gian ông có nhiều trải nghiệm sâu sắc về chiến tranh, trong đó có cả máu của chính người thân của ông.

Tiểu thuyết đầu tay của Hoàng Văn Bôn là tiểu thuyết *Hai khẩu súng lục*¹. Vốn từ nhỏ đã ham mê tiểu thuyết, nên hiện thực của làng Bình Long, Biên Hòa quê hương nghèo khổ, xơ xác bên sông Đồng Nai đã tạo thành chất liệu cho Hoàng Văn Bôn viết tác phẩm này, một tác phẩm nói về ngôi làng nông thôn Bình Long của ông trước cách mạng.

Nhưng tiểu thuyết đầu tiên của ông được ra mắt công chúng lại là tác phẩm *Vỡ đất*. Tác phẩm này được viết trong một hoàn cảnh khá đặc biệt. Đó là những năm 1949 - 1950, khi cuộc kháng chiến ở miền Đông bước vào giai đoạn khó khăn, đầy thử thách, trên đường từ Chiến khu Đ xuống Cà Mau, Hoàng Văn Bôn đã viết tiểu thuyết *Vỡ đất*. Theo lời

¹ Tác giả đã viết xong, nhưng chưa in.

ông kể: “Tôi xin nhập ngũ với ý định rõ ràng là muốn đi nhiều, biết nhiều, tham gia chiến đấu trực tiếp... để có thể viết lách tốt hơn. Và bây giờ, hồi nhớ lại một cách nghiêm khắc, tôi thấy có ý muốn cầm súng để trả thù cho gia đình tôi. Mới có năm năm kháng chiến mà gia đình tôi đã bị chúng giết nhiều quá, làng tôi bị đốt sạch. Lúc ấy, tôi cũng ham mê sáng tác lắm...”¹. Trong những ngày tháng hành quân với nhiệm vụ tuyên truyền cho miền Đông “gian lao mà anh dũng”, đi đến đâu đoàn quân của ông cũng đốt lửa trại, diễn kịch tuyên truyền, ca hát, quyên góp cho miền Đông gian khổ. Thuở ấy, nhiều đồng bào miền Tây không sao tin được cái gian khổ, hy sinh và sự tàn ác thâm độc của giặc Pháp lúc bấy giờ. Nhiều anh chị em trong đoàn tự ái, buồn phiền. Nhà văn tự nghĩ: “Nói miệng họ không tin, mình phải viết thành sách. Nói có sách mách có chứng. Khi đã thành giấy trắng mực đen thì người đời dễ tin hơn”². Đó cũng chính là lý do ra đời của tiểu thuyết *Vỡ đất*. Tác phẩm có dung lượng 150 trang, ra đời và được in trong chiến khu, số lượng phát hành đến 3000 cuốn. Để thuận lợi cho việc tuyên truyền cách mạng; tránh tai mắt của địch, truyện phải ngụy trang bằng một cái tên khá lãng mạn là *Giọt mưa thu*.

Cùng với *Con trâu* của Nguyễn Văn Bổng ở Khu 5, tiểu thuyết *Vỡ đất* của Hoàng Văn Bổng đề cập đến một thời kỳ khó khăn gian khổ của miền Đông Nam bộ trong những năm kháng chiến, nhất là trên mặt trận sản xuất. Đây là tác phẩm dài hơi đầu tiên của Nam bộ viết về cuộc chiến đấu của bộ đội và người dân nơi đây. Tác phẩm phản ánh khá chân thật cuộc sống và chiến đấu của anh vệ quốc đoàn trong buổi đầu đầy khó khăn ở vùng đất này. Bộ đội vừa phải chiến đấu vừa phải sản xuất để có cái ăn mà đánh giặc. Từ những người nông dân chân chất, giờ đây họ trở thành anh bộ đội. Và anh bộ đội lại trở lại với công việc của

1 Văn nghệ Tp. Hồ Chí Minh, số 513 ngày 1/1/1988.

2 Văn nghệ Tp. Hồ Chí Minh, tldđ.

người nông dân: khai hoang, phát rẫy, gia tăng sản xuất. Nhưng đây là công việc chung chứ không còn là công việc riêng lẻ của anh nông dân cá thể. Hoàng Văn Bôn nhớ lại: *“Cảnh xung đột giữa tư tưởng cá nhân và sự giác ngộ tư tưởng cách mạng của đoàn người phát rẫy... Cứ triền miên như thế, tôi sắp xếp nhân vật, câu chuyện, mâu thuẫn từng chương, từng chương diễn ra trong cuốn tiểu thuyết. Hình như mỗi đêm hành quân, tôi suy nghĩ được một chương nối tiếp chương trước, để ngày hôm sau lại viết tiếp lúc đóng quân. Ba tháng trời hành quân, gần chín mươi ngày đóng quân, tôi viết xong tiểu thuyết Võ đất”*¹. Trong quá trình đó, sống trong tập thể đó, tất nhiên có những đụng chạm, những vướng mắc giữa người siêng năng và người biếng nhác. Quá trình đấu tranh trong lao động và chiến đấu đã bộc lộ những tính cách của anh nông dân - bộ đội. Tác phẩm đã khắc họa được hình ảnh cụ thể của những con người này: Bảy Ngà, Mười Ngang, Ba Hòa, Tư Đồ, ... Bảy Ngà cương trực, nóng nảy; Tư Đồ trầm tính, chín chắn; Ba Hòa xông xáo, cương nghị và quả cảm, ... Và dù tính tình khác nhau, họ là những người Nam bộ dám nghĩ dám làm, và cũng khá tiêu biểu cho hình ảnh anh bộ đội “miền Đông gian lao và anh dũng”. Chính họ làm đầu tàu kéo theo những anh khác biếng lười lao động hay nhút nhát trong chiến đấu. Cho nên mặc dù hoàn cảnh rất khó khăn, cuộc chiến đấu của quân và dân miền Đông qua hình ảnh anh bộ đội trong vẫn thu được những thắng lợi vẻ vang góp phần vào thắng lợi chung của quân và dân ta trên cả nước.

Tiểu thuyết *Võ đất* sau đó đã đoạt giải nhất giải thưởng văn nghệ Cửu Long Giang năm 1952. Trên đường đi nhận giải thưởng từ Rạch Giá đến Cà Mau, suốt đêm chèo thuyền, Hoàng Văn Bôn lại suy nghĩ để hình thành nên tiểu thuyết *Bông hường, bông cúc*. Một năm sau, tác phẩm hoàn thành

1 Hoài Anh - Thành Nguyên - Hó Sĩ Hiệp (1988), *Văn học Nam bộ từ đầu đến giữa thế kỷ XX (1900 - 1954)*, Nxb TP.Hồ Chí Minh, tr. 357.

và đã đưa đi in, nhưng do tác giả tập kết ra Bắc theo hiệp định đình chiến Genève, bản thảo đã bị thất lạc. Đầu năm 1955, theo lời đề nghị của nhà xuất bản Văn nghệ, ông viết lại tác phẩm theo trí nhớ của mình¹.

Khi xuất hiện năm 1953, *Bông hường, bông cúc* được đánh giá là “*đã đem lại một nét mới cho văn học kháng chiến*”². Tuy cũng nói về anh bộ đội nhưng ở đây “*lần đầu tiên câu chuyện tình yêu đôi lứa được thể hiện như một chủ đề chính và như là động lực giúp người chiến sĩ mạnh mẽ hơn lên trong cuộc chiến đấu*”³. Tiền thân của *Bông hường bông cúc* là truyện ngắn, dung lượng khoảng 20 trang. Về sau, truyện được phát triển thành tiểu thuyết, khoảng 200 trang. Nội dung truyện xoay quanh câu chuyện tình yêu của đôi trai gái là anh Phương và cô Mười Thới. Phương là một anh bộ đội cùng đồng đội về làng Anh Thiên miền Tây Nam bộ giúp dân gặt lúa, sửa nhà, chống càn. Tình cảm của Phương và Thới ngày càng nảy nở, nhưng trong âm thầm. Cô Mười Thới lén bỏ chiếc khăn thêu bông hường bông cúc vào túi áo Phương đã gây ra tai tiếng. Phương dẫn vật vì nghe tin Thới đã từng có một đời chồng là Cả Bảy, dù đó là gia đình ép duyên và cô cũng đã cự tuyệt. Đó câu chuyện tình lãng mạn, song bản thân mỗi người đều ý thức trách nhiệm đối với thời cuộc và vận mệnh đất nước. Kết cuộc, cả hai đã tìm đến với nhau trong niềm hạnh phúc chung - riêng. Nhân vật chính của truyện được xây dựng trên hình mẫu người thật việc thật. Trong một lần trò chuyện, nhà văn đã cho biết Phương - nhân vật anh bộ đội trong tác phẩm được hư cấu từ một nguyên mẫu tên là Phong, hiện là đại tá về hưu sống ở Cần Thơ⁴.

1 *Bông hường, bông cúc* sau được Nxb Văn nghệ, Hà Nội in năm 1957.

2 Nguyễn Thị Thanh Xuân (2004), *Tiếng vọng những mùa qua*, Nxb Trẻ, TP.HCM, trang 231.

3 Nguyễn Thị Thanh Xuân (2004), *sđd*, trang 231.

4 Nguyễn Thị Trúc Bạch (2012), *Nhà văn Hoàng Văn Bôn trong lịch sử văn học miền Đông Nam bộ*, tr.7.

Võ đất và Bông hường bông cúc không tránh khỏi những hạn chế chung của tiểu thuyết thời kháng chiến chống Pháp. Nhưng đặt trong hoàn cảnh tiểu thuyết kháng chiến chống Pháp còn rất hiếm hoi với vài tác phẩm đếm chưa hết đầu bàn tay như *Xung kích* của Nguyễn Đình Thi và *Vùng mỏ* của Võ Huy Tâm ở miền Bắc, *Con trâu* của Nguyễn Văn Bổng ở miền Trung, hai tiểu thuyết của Hoàng Văn Bổng là những bổ sung rất đáng quý của văn học kháng chiến Nam bộ cho tiểu thuyết kháng chiến chống Pháp.

Tập kết ra Bắc, Hoàng Văn Bổng lại tiếp tục say mê viết tiểu thuyết với hàng loạt tác phẩm như *Có những lớp người* (1958), *Mùa mưa* (1960), *Trên mảnh đất này* (1960), *Bầu trời mặt đất* (1974), trong đó đáng chú ý nhất là *Trên mảnh đất này* viết về những ngày kháng chiến mùa thu năm 1945 của Nam Bộ. Đây cũng là tiểu thuyết duy nhất của ông được chọn in trong bộ sách *Văn học Việt Nam thế kỷ XX*¹.

Phan Cự Đệ trong công trình *Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại* đã cho rằng một trong những ưu điểm của những tiểu thuyết kháng chiến chống Pháp viết sau hòa bình là đã dám xông vào những đề tài gay cấn, phức tạp, đi sâu vào những mâu thuẫn đối kháng về mặt giai cấp và phát hiện ra những cuộc đấu tranh tư tưởng trong nội bộ nhân dân, nội bộ quân đội ta. Cách nhìn và phản ánh hiện thực do đó nói chung đã có chiều sâu hơn tiểu thuyết thời kỳ 1951-1952². *Trên mảnh đất này* chính là một trong những tiểu thuyết đó khi Hoàng Văn Bổng “đã mạnh dạn đi sâu vào cái hiện thực rối rắm, phức tạp của Nam Bộ mùa thu năm 1945”³. Đó là lúc hai sư đoàn số 3 và số 9 của quân viễn chinh Pháp ở thành Ô Ma đánh lan ra khắp lục tỉnh, khiến một số lực lượng vũ trang của ta phải tạm thời rút lui về các chiến khu

1 Nhiều tác giả, *Văn học Việt Nam thế kỷ XX (tiểu thuyết 1945-1975)*, quyển một - tập XIV (2003), Nxb Văn học, Hà Nội, tr. 541 - 908.

2 Phan Cự Đệ (2000), *Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại* (in lần 2), Nxb Giáo dục, Hà Nội tr. 162, 163.

3 Phan Cự Đệ (2000), *sđd*, tr. 163.

Rừng Sác ở Cần Giờ, ở Tháp Mười, U Minh để củng cố lực lượng, chủ trương đánh lâu dài bằng chiến tranh nhân dân. Chủ đề của *Trên mảnh đất này* đề cập đến mối mâu thuẫn trong nội bộ quân đội và nhân dân ta hồi đó là mâu thuẫn giữa chủ trương dân trận, giữ đất với chủ trương tạm bỏ đất, bảo toàn chủ lực và phát động chiến tranh nhân dân, thể hiện cụ thể qua mâu thuẫn giữa cách đánh khác nhau của đội trưởng Ba Râu và chính trị viên Thuần.

Sau ngày thống nhất đất nước, Hoàng Văn Bồn trở về quê hương Đồng Nai, lại sáng tác tiểu thuyết với những quan tâm đa dạng hơn khi không chỉ viết về hai cuộc kháng chiến đã qua mà còn đề cập đến hiện thực khắc nghiệt của cuộc sống sau hòa bình. Trên mười tiểu thuyết được ông viết sau 1975 đã cho thấy niềm say mê viết tiểu thuyết không bao giờ vơi cạn của ông, đó là các tiểu thuyết *Nhớ phố phường* (1981), *Sóng bạc đầu* (1982), *Miền đất ven sông* (1985), *Tình đời đen bạc* (1989), *Phía sau vành móng ngựa* (1989), *Khắc nghiệt* (1989), *Nhớ rừng xưa* (1989), *Tuổi thơ ngọt ngào* (1993), *Một ánh sao đêm* (1994), *Ngôi sao nhớ ai* (1995), *Nước mắt già biệt* (1995), *Thuở hồng hoang* (1998), *Trăng miền núi* (2001), trong đó tác phẩm nào cũng bộn bề hiện thực mà ông đã nếm trải. Để có được sức viết mạnh mẽ như vậy, có lẽ là nhờ ở bước lấy đà tuyệt vời của ông từ thành công của những tiểu thuyết như *Vỡ đất*, *Bông hường bông cúc*, vốn được viết từ thời kháng chiến chống Pháp gian khổ. Nhà nghiên cứu Bùi Quang Huy, người rất hiểu những nhà văn Đồng Nai cũng đã từng khẳng định: “Công bằng mà nói, đến nay, chưa có nhà văn nào có được những trang viết âm ắp chất liệu cuộc sống kháng chiến của người miền Đông Nam Bộ như Hoàng Văn Bồn”¹.

Tiểu thuyết của Hoàng Văn Bồn cũng còn khá nhiều hạn chế như nhiều nghiên cứu đã đề cập như nặng về kể tả, nhân vật còn thiếu chiều sâu tâm lý, tình tiết truyện dày

¹ Báo Đồng Nai ngày 13/5/2006.

đặc thiếu tính hệ thống...Nhưng các sáng tác của ông vẫn đáng quý vì ông đã viết bằng sự chân tình và tinh thần đầy nhiệt huyết, bằng tình yêu quê hương đất nước mãnh liệt và thiết tha, bằng chính máu và nước mắt của mình như ông đã từng tâm sự: *“Với chúng tôi, mỗi trang bản thảo đều đổi bằng cái giá không biết thế nào mà tính được. Đắng cay lắm. Giờ đây, khi còn sống ngồi viết lại những dòng này, chúng tôi càng thấm thía rằng mỗi một dòng, một trang sách đối với chúng tôi (ít tài năng) chúng tôi phải trả giá bằng cả cuộc đời, bằng trăm thứ hy sinh trên đời này”*¹.

Tài liệu tham khảo:

1. Hoài Anh - Thành Nguyên - Hồ Sĩ Hiệp (1988), *Văn học Nam Bộ từ đầu đến giữa thế kỷ XX (1900 - 1954)*, Nxb TP.Hồ Chí Minh.
2. Nguyễn Thị Trúc Bạch (2012), *Nhà văn Hoàng Văn Bỏn trong lịch sử văn học miền Đông Nam bộ* (tài liệu chưa công bố).
3. Phan Cự Đệ (2000), *Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại* (in lần 2), Nxb Giáo dục, Hà Nội.
4. Nguyễn Thị Thanh Xuân (2004), *Tiếng vọng những mùa qua*, Nxb Trẻ, TP.HCM.

¹ Văn nghệ Đồng Nai số 8/1987.

Hoàng Văn Bổng với điện ảnh quân đội

Đại tá LÊ THI

NSND, đạo diễn – Xưởng phim Quân đội.

Những người làm phim Quân đội có vinh dự được làm chứng nhân của những thời khắc lịch sử hào hùng và đầy biến động của dân tộc Việt Nam. Điện ảnh có thế mạnh, không loại hình nào thay thế được, đặc biệt là điện ảnh tài liệu vì đã ghi lại những hình ảnh chân thực của cuộc sống, chiến đấu của nhân dân ta, chiến sĩ ta trên mọi miền Tổ quốc, ở những thời điểm đầy thử thách nghiệt ngã của cuộc chiến tranh giành độc lập, tự do, thống nhất Tổ quốc. Để có hàng trăm bộ phim, hàng vạn mét phim tư liệu giai đoạn 1960 - 1975 của thế kỉ trước, những người làm phim Quân đội đã phải vượt qua vô vàn hy sinh, gian khổ, có mặt ở mọi chiến trường, mọi vùng miền của Tổ quốc. Trong số những chiến sĩ, nghệ sĩ của điện ảnh Quân đội có nhà văn, nhà biên kịch Hoàng Văn Bổng. Anh đã đóng góp lớn cho loại hình nghệ thuật điện ảnh 24 hình/ một giây. Trên cương vị là nhà văn, nhà biên kịch, Hoàng Văn Bổng từng làm nhiều tác phẩm về đề tài chiến tranh, từ biên giới hải đảo đến đường Trường Sơn, chiến trường Khu 5, Nam bộ...

Xưởng phim Quân đội được thành lập ngày 17/8/1960. Chỉ mấy tháng sau, Hoàng Văn Bổng và nhà văn Phù Thăng, Ngọc Minh đã viết kịch bản phim tài liệu: *Trên tuyến đầu miền Tây Tổ quốc*. Lần đầu tiên, một bộ phim của xưởng phim Quân đội có một kịch bản “hoàn hảo”. Bộ phim ngay lập tức giành Bông sen bạc tại Liên hoan phim quốc

gia, sau đó được giải thưởng nhân kỉ niệm 20 năm điện ảnh cách mạng Việt Nam (1953 - 1973).

Thời điểm Xưởng phim Quân đội làm phim, cuộc kháng chiến chống Mỹ trên mặt đất cũng như trên bầu trời đang càng ngày càng ác liệt. Để phản ánh thời sự chiến đấu, sản xuất của nhân dân, của các quân binh chủng trên mọi vùng miền, Hoàng Văn Bôn phải đến những nơi “nước sôi lửa bỏng” để viết kịch bản phim tài liệu. Nhiều bộ phim của anh đã đạt giải Bông sen vàng tại Liên hoan phim Quốc gia như: *Chiến đấu giữ đảo quê hương*, *Người Hàm Rồng*, *Những cô gái C3 quân giải phóng*. Bộ phim tài liệu *Người Hàm Rồng* còn lĩnh giải đặc biệt Jorisiven tại Liên hoan phim quốc tế Leipzig năm 1967. Phim *Những cô gái C3 quân Giải phóng* gửi tham dự Liên hoan phim quốc tế Leipzig cũng được tặng bằng khen. Giải bông sen bạc còn có các phim như *Trận địa sông Cấm*, *Từ trận đầu đánh thắng...* Ngoài ra, Hoàng Văn Bôn còn biên kịch một số phim tài liệu được giải thưởng của Bộ Quốc phòng, các hiệp Hội Văn học nghệ thuật trong nước và Liên hoan phim Moscow...

Hoàng Văn Bôn còn viết nhiều kịch bản ghi lại các giai đoạn chiến tranh ở miền Nam Việt Nam cũng như cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của Mỹ trên miền Bắc như: *Chiến tranh đặc biệt*, *Tìm diệt*, *Trục thăng vận*, *Chiến tranh cục bộ...* Có thể khẳng định, anh là một trong số ít tác giả kịch bản phim tài liệu của Xưởng phim Quân đội có nhiều tác phẩm được giải thưởng trong nước và quốc tế, nhiều bộ phim có giá trị tư liệu lịch sử. Mỗi thước phim, mỗi kịch bản của Hoàng Văn Bôn đều làm nổi bật những số phận, những cuộc đời, khi thì cá nhân, khi thì cả một tập thể đã sống và chiến đấu.

Hoàng Văn Bôn là một nhà văn, vì vậy thế mạnh của anh là viết rất cảm xúc, câu chuyện mạch lạc, hấp dẫn dù là phim chân dung, phim nói về vùng đất hay chỉ là về một cây cầu, một dòng sông... Trong phim *Chiến đấu giữ đảo*

quê hương có anh dân quân có tài lặn vo rất lâu dưới biển để bắt bào ngư, khi máy bay Mĩ đến, anh lại cùng đồng đội bắn rơi máy bay Mĩ. Hay cô tự vệ Ý Nhi trong phim *Trận địa bên sông Cấm* là một công nhân cơ khí, khi máy bay Mĩ ném bom, trong đạn bom mù mịt, cô thoăn thoắt leo lên chiếc cần cầu để đếm bom Mĩ rơi, đánh dấu vị trí bom... Trong phim *Người Hàm Rồng* ông ghi lại hình ảnh hào hùng: chiếc ống nhòm cùng chiếc cờ đỏ đuôi nheo chỉ hướng máy bay Mĩ trên trận địa súng phòng không của tự vệ nhà máy, lẫn trong tiếng súng phòng không giòn giã là tiếng máy bay Mig do biên đội trưởng Trần Hanh đánh địch trên bầu trời Thanh Hóa. Phim quanh cảnh những nữ dân quân tự vệ Nam Ngạn, Hàm Rồng như Ngô Thị Tuyền vác hòm đạn nặng gấp hai lần trọng lượng cơ thể tiếp tế cho trận địa pháo cao xạ của bộ đội. Hành động đó thật sự gây cho các nhà báo trong nước và quốc tế sự ngạc nhiên và cảm phục. Cũng như Ngô Thị Tuyền, Nguyễn Thị Hằng là trung đội trưởng dân quân nữ, khi địch đến thì lên trận địa bắn máy bay, ngớt tiếng bom lại cùng các cô gái cấy lúa, tát nước. Ngô Thị Tuyền sau này đã trở thành anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Nguyễn Thị Hằng là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Lao động thương binh và xã hội. Nhiều nhân vật khác trong các phim của Hoàng Văn Bôn về sau mang hàm cấp tướng, là tư lệnh, anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Trong chiến đấu, họ được anh đưa vào kịch bản văn học, được các nhà đạo diễn, quay phim dựng thành những bộ phim mang giá trị lịch sử vô giá. Khi Hoàng Văn Bôn viết kịch bản và các đạo diễn, quay phim thực hiện bộ phim *Từ trận đầu đánh thắng*, các anh không thể ngờ sau này nhân vật của mình sẽ trở thành anh hùng hay các tướng lĩnh như phi công Trần Hanh là anh hùng lực lượng vũ trang và là Thứ trưởng Bộ Quốc phòng; Nguyễn Hồng Nhị là anh hùng lực lượng vũ trang và là Cục trưởng Cục Hàng không dân dụng; Nguyễn Văn Cốc bắn hạ 9 máy bay Mĩ, người duy

nhất trên thế giới bắn rơi 9 chiếc máy bay Mỹ, được Bác Hồ gặp mặt nhiều lần, được Bác tặng 9 chiếc huy hiệu, sau đó trở thành Trung tướng Tư lệnh Không quân; phi công Phạm Thanh Ngân sau này cũng là anh hùng lực lượng vũ trang, Thượng tướng, Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Với hàng loạt phim tài liệu có giá trị lịch sử, tính chân thật, sự phát hiện, tính dự báo, nhà viết kịch bản phim Hoàng Văn Bồn và những đạo diễn, quay phim cộng tác của anh đã làm tròn trách nhiệm của người nghệ sĩ - chiến sĩ. Cũng nhờ những phát hiện, những ghi chép cùng ý đồ văn học trong kịch bản của nhà văn Hoàng Văn Bồn mà phim *Đường chúng ta đi* có được khoảnh khắc xúc động gặp gỡ người cha của anh hùng Lý Tự Trọng. Cụ đã gần trăm tuổi, chống gậy thơ thẩn đi lại bên bức tượng Lý Tự Trọng đặt trong một công viên nhỏ ở thủ đô Hà Nội. Hay người cha của anh hùng Nguyễn Văn Trỗi đến thăm đồng đội của con, đến trại giam và địa điểm nơi chính quyền Ngụy Sài Gòn đã xử bắn Nguyễn Văn Trỗi. Đôi mắt thăm sâu, những nếp nhăn xếp lớp vì đau khổ thương nhớ con trên gương mặt những người cha được các nhà làm phim đặc tả thể hiện rõ ý đồ kịch bản phim của Hoàng Văn Bồn. Điện ảnh cũng có mối lương duyên với âm nhạc. Những kịch bản phim của nhà văn Hoàng Văn Bồn thường tạo được cảm xúc cho nhạc sĩ sáng tác. Cụ thể là nhạc sĩ Huy Du khi cùng đoàn làm phim ra đảo Bạch Long Vĩ quay phim đã xúc động viết lên ca khúc *Bạch Long Vĩ đảo quê hương*, sau này được dùng cho phim *Chiến đấu giữ đảo quê hương*. Nhạc sĩ Hoàng Đạm đã viết ca khúc *Thanh Hóa anh hùng* dùng cho phim *Người Hàm Rồng*. Hay như nhạc sĩ Tô Hải viết ca khúc *Từ mặt đất thân yêu* khi đi thực tế cùng đoàn làm phim, bộ phim *Từ mặt đất thân yêu* đã sử dụng ca khúc này. Âm nhạc, hình ảnh, nội dung phim đã tạo nên một sự hòa hợp nhuần nhuyễn, nhưng nếu tách từng thể loại ra ta cũng được những tác phẩm nghệ thuật hoàn chỉnh.

Hoàng Văn Bốn sống và làm việc ở Xưởng phim Quân đội (nay là Điện ảnh Quân đội) gần 15 năm. Anh để lại nhiều kịch bản điện ảnh có giá trị, đóng góp quan trọng cho dòng phim lịch sử cách mạng dựng nước và giữ nước. Anh cũng là nhà văn, tác giả kịch bản của nhiều bộ phim đạt giải thưởng trong nước và quốc tế, góp phần đưa nhiều nhà đạo diễn, quay phim trở thành nghệ sĩ nhân dân, nghệ sĩ ưu tú. Đây cũng là đặc thù của điện ảnh, bộ môn nghệ thuật 24 hình/giây. Không chỉ riêng Hoàng Văn Bốn mà thời ấy, hầu hết các nhà văn, nhà thơ từng viết kịch bản điện ảnh như nhà thơ Phạm Ngọc Cảnh, Phạm Tiến Duật, Vũ Cao, Hồ Phương... đều là những người lặng thầm đứng sau thành công của người khác, bởi hội đồng chấm giải tác phẩm điện ảnh hàng năm đều chỉ để ý đến các nhà đạo diễn, quay phim, diễn viên... mấy ai nhớ đến người viết kịch bản.

Trong phim tài liệu của Hoàng Văn Bốn, những nhân vật đều khỏe khoắn, can trường, dũng cảm, sôi động nhưng cũng có lúc ưu tư, trầm lặng như chính tính cách của Hoàng Văn Bốn. Anh giàu lòng nhân ái, nặng tình đồng đội, hết sức gắn bó với anh em, chưa bao giờ nặng lời với ai. Anh cùng chúng tôi có những buổi, những đêm ngồi lặng lẽ nhìn nhau, chẳng ai nói câu nào, khi biết tin đồng đội hi sinh trong lúc làm phim ở những vùng chiến sự ác liệt. Anh đã tiễn chúng tôi lên đường đi chiến dịch, đến những vùng địch đánh phá ác liệt. Từ ngôi nhà 17 Lý Nam Đế, trên 30 nhà quay phim, đạo diễn quân đội đã ra đi và không bao giờ trở về. Họ nằm lại trên các chiến trường từ Bắc vào Nam. Nguyễn Như Dũng là nhà quay phim cùng quê với vợ Hoàng Văn Bốn, được nhà văn coi như em trai đã hi sinh ở mặt trận Đường 9. Hoàng Văn Bốn thương Như Dũng một thì thương vợ Như Dũng là nhà thơ Đoàn Thị Thanh Trà mười. Vì hai vợ chồng Dũng - Trà mới cưới nhau được một tuần, chưa tròn đạo nghĩa vợ chồng thì Dũng đã hi sinh. Ngày nhận tin, Hoàng Văn Bốn bỏ cơm, ngồi im lặng, nhìn tròng

trùng vào góc nhà như một kho tượng khắc khổ. Chúng tôi cũng lặng im chẳng ai nói một lời. Nỗi đau lặn vào cội sâu thẳm của trái tim. Dũng và chúng tôi cùng trang lứa, đều kém anh Hoàng Văn Bốn chín, mười tuổi và đều coi “anh Chín Bốn” là anh trai. Đến nay, Hoàng Văn Bốn cũng đã về cội vĩnh hằng cùng với Như Dũng và nhiều đồng đội thân thiết như nhà văn Uda, nhà văn đạo- diễn -nghệ sĩ nhân dân Nguyễn Văn Thông, nghệ sĩ ưu tú- đạo diễn Nguyễn Kha làm phim *Trận địa sông Cấm*, nghệ sĩ ưu tú- đạo diễn Lê Văn Bằng, người làm phim *Người Hàm Rồng*, Ngô Đăng Tuất đạo diễn phim *Từ mặt đất thân yêu*. Đội ngũ những người làm phim với Hoàng Văn Bốn dưới tuổi vàng đủ để thành lập nhiều đoàn làm phim thực hiện những kịch bản, tác phẩm tiểu thuyết, truyện ngắn... được anh chuyển thể thành kịch bản phim tài liệu, phim truyện...

Hoàng Văn Bốn ra đi đã 10 năm, bạn bè, đồng đội của anh ở Xưởng phim Quân đội người còn, người mất. Người còn cũng đã nghỉ hưu, quá khứ lúc nhớ lúc quên. Nhưng những kỉ niệm về anh thì thật khó quên về một thời kì đầy khó khăn vất vả. Nhớ lại khi làm phim *Người Hàm Rồng*, chúng tôi cùng ở trong “hang Rồng”, mỗi khi nghe tiếng rít của máy bay Mĩ ném bom xuống cầu Hàm Rồng, nhà máy điện Thanh Hóa thì Lê Văn Bằng và Vương Đức Cừ vác máy quay phim chạy vội ra cửa hang để quay. Hoàng Văn Bốn nghiện thuốc lá. Anh khó nhịn những cơn thèm thuốc. Đôi lần thèm quá anh bóc “trộm” bao thuốc lá của Lê Văn Bằng, rút ra một điếu rồi... dán lại. Cứ thỉnh thoảng lại rút một điếu ở các bao khác nhau. Chỉ vài bao thì Lê Văn Bằng phát hiện, tất cả nhìn nhau cười xòa. Trong căn buồng 8m2, đêm đêm Hoàng Văn Bốn chong đèn viết kịch bản phim, khi thì viết tiểu thuyết, truyện kí. Trời rét, bụng đói, lúc ý tứ, câu văn cạn kiệt, anh đứng dậy lảng lảng đi dạo ở khu nhà 17 Lý Nam Đế hay ra ngồi ở sân bóng chuyền hoặc dưới gốc si già một lúc rồi trở về căn buồng chật hẹp. Cơn thèm

thuốc lá lại nổi lên, anh lần tìm dưới gầm bàn, gầm ghế các mẩu thuốc lá đã vứt đi, gỡ ra, dồn lại từng mảnh vụn, dùng tờ lịch hay mẩu giấy poluya cuốn lại, say sưa hút. Khói thuốc lá bốc mùi khai, giấy thì khét let nhưng Hoàng Văn Bốn vẫn hóp má rít và thở ra những làn khói đậm đặc. Tàn thuốc lá rơi xuống áo quần anh, để lại những vết cháy lỗ chỗ. Hồi đó anh đã có vợ, người vợ dạy học xa tận Hải Dương, thời chiến đi lại khó khăn, phương tiện đi về chỉ có ô tô khách hoặc tàu hỏa. Muốn về với vợ con, Hoàng Văn Bốn phải vượt chặng đường hơn 50km, đi hết cả một buổi. Vợ anh là Mai Quỳnh Chi, giáo viên, một tay đảm đang chăm lo cho gia đình, lúc đó cháu Quyên con gái Hoàng Văn Bốn đang học cấp 1, cậu con trai tên Long mới chập chững. Thời buổi tem phiếu, phiếu chất đốt, phiếu gạo, phiếu thực phẩm... dồn lại cả tháng ba mẹ con chỉ ăn được một bữa. Chị Mai Quỳnh Chi thương chồng là bộ đội vất vả, chẳng kêu ca phàn nàn gì, chị vừa dạy học vừa nuôi con. Hoàng Văn Bốn vốn không phải là người tháo vát, chỉ biết tần tiện lo cho vợ con, anh hạn chế thuốc lá, thêm cà phê cũng không dám uống, quanh năm chỉ dùng thứ chè cám ba hào một gói nhưng cũng phải pha đi pha lại đến khi nước trong veo. Có lần do đoàn làm phim “quan hệ” tốt, được bên không quân bán cho ít dầu máy bay thải, anh mua can nhựa 10 lít đựng dầu, xách về Hải Dương cho vợ. Không chỉ có dầu, có khi là nửa cân thịt hoặc ít gạo hầm hôi mốc anh cũng dồn lại cả tháng để mang về cho gia đình.

Hoàng Văn Bốn gắn bó với anh em chúng tôi từ thuở ban đầu khi thành lập Xưởng phim Quân đội. Tôi về sau anh vài năm, thực hiện những kịch bản do anh viết được vài phim. Trong Chiến dịch Mùa xuân 1975, tôi và anh cùng ở một mũi tiến vào giải phóng Sài Gòn và đã cùng anh đi tìm lại người thân ở quê hương Đồng Nai.

Đất nước thống nhất, Hoàng Văn Bốn xuất ngũ, chuyển ngành về Đồng Nai công tác. Có một kỉ niệm khó quên của

tôi với Hoàng Văn Bốn khi gia đình anh chuyển từ Hải Dương về Hà Nội, để từ Hà Nội đi tàu hỏa vào Đồng Nai. Khăn gói quả mướp, vợ chồng anh cùng các cháu về nhà tôi ở số 8 Tống Duy Tân, gần ga Hàng Cỏ để chờ tàu đêm. Tôi chưa lập gia đình, nhà chỉ rộng 10m², phải sang nhà anh trai lấy bếp dầu, nồi niêu, gạo muối... để nấu cơm cho gia đình anh cùng họ hàng bên vợ Hoàng Văn Bốn đi tiễn. Trời nóng bức, cơm và thức ăn phải nấu làm hai lượt, tất cả ngồi ăn chen chúc dưới sàn nhà. Mâm cơm chỉ có rau và thịt lợn rim rất đậm bạc, vì điều kiện lúc đó chỉ có vậy, sau này nhớ lại, tôi còn ân hận.

Những năm sau giải phóng, mỗi khi vào phía Nam công tác, có điều kiện tôi lại đến thăm gia đình nhà văn Hoàng Văn Bốn. Tôi mừng vì cuộc sống của anh chị ổn định, các cháu đã trưởng thành, nhà văn vẫn miệt mài cống hiến cho quê hương đất nước qua những tác phẩm văn học. Chúng tôi những người đã sống cùng nhà văn Hoàng Văn Bốn cũng như thế hệ trẻ hôm nay đều nhắc về anh, về sự đóng góp của anh cho Xưởng phim Quân đội và nền điện ảnh nước nhà. Những tác phẩm mà Hoàng Văn Bốn và những người cùng thời với anh để lại là nguồn tư liệu vô cùng quý giá cho các thế hệ kế tiếp. Nhân kỷ niệm 10 năm ngày Hoàng Văn Bốn đi xa, tôi ngồi miên man nhớ về anh, nhà văn, nhà biên kịch Hoàng Văn Bốn, một con người có nhân cách, nhân nghĩa thủy chung và có tài năng trong nghệ thuật điện ảnh 24 hình một giây.

Hà Nội tháng 4/2016

Truyện viết cho thiếu nhi của Hoàng Văn Bôn

PGS. TS BÙI THANH TRUYỀN

Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh

Trong gia tài văn chương của Hoàng Văn Bôn, mảng sáng tác cho thiếu nhi chiếm số lượng và vị trí đáng kể (11/50 tác phẩm). Một loạt truyện dài và tiểu thuyết có tiếng vang như: *Tướng Lâm Kỳ Đạt* (1962), *Lũ chúng tôi* (1982), *Tuổi thơ trong làng* (1983), *Theo dấu người xưa* (1986), *Bên kia sông Đồng Nai* (1987), *Đội quân hoa và cỏ* (1987), *Tuổi thơ ngọt ngào* (1993), *Ó ma lai* (1994), *Về quê nội* (1994), *Ngày xưa ngày xưa* (1997), ... và những giải thưởng văn học uy tín (Giải Ba cuộc vận động sáng tác cho thiếu nhi nhân dịp kỉ niệm 40 năm thành lập Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh cho truyện dài *Lũ chúng tôi*; Giải thưởng Hội đồng Văn học thiếu nhi, Giải thưởng Liên hiệp Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam cho tiểu thuyết *Tuổi thơ ngọt ngào*) đã khẳng định tình yêu và trách nhiệm của nhà văn đối với lớp độc giả măng non của đất nước. Từ đầu thập niên 60 của thế kỉ trước, bạn đọc và giới nghiên cứu văn học đã biết đến ông với tư cách một nhà văn của tuổi thơ Việt Nam trong chặng đầu phát triển¹. Hơn 40 năm gắn bó, đồng hành với văn học thiếu nhi và đã có không ít tác phẩm kết tinh, vậy nhưng, cho đến nay, khách quan mà nói, người ta biết đến ông chủ yếu là nhà văn - nghệ sĩ của độc giả, khán giả

¹ Xem Văn Thanh, *Truyện viết cho thiếu nhi trong chặng đầu phát triển*, Tạp chí văn học, Số 6 - 1963.

trưởng thành. Đây là điều không công bằng đối với tác giả và cũng là chuyện không may cho trẻ thơ nước nhà. Từ điểm nhìn hiện tại, sẽ không vô đoán khi cho rằng, so với những nhà văn khác, sáng tác cho thiếu niên nhi đồng của Hoàng Văn Bôn¹ có dấu ấn và địa vị không nhỏ trong tiến trình vận động, phát triển của văn học thiếu nhi Việt Nam nhờ một nội dung và bút pháp không thể trộn lẫn.

1. Những phác họa ấn tượng về chân ảnh nhân dân, đất nước

Hoàng Văn Bôn khá thành công khi viết về đề tài chiến tranh của quân và dân miền Đông Nam bộ trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, Mĩ. Xuyên suốt các truyện viết cho thiếu nhi của ông, ta dễ dàng nhận ra một chủ đề tư tưởng cốt lõi, nổi bật: kháng chiến chính là trường học để rèn luyện con người. Ở đó, một lớp người lao động, chiến đấu bên cạnh ý chí và tinh thần thép, họ còn ngời sáng chất người với những suy nghĩ, tình cảm, hành động, bình dị mà cao cả. Truyện là kết quả của những thời điểm sáng tạo đầy ngẫu hứng, thăng hoa với sự kết tinh của cao độ của tài năng, sự trải nghiệm cùng tấm lòng tha thiết dành cho con người, cuộc sống phương Nam hồn hậu, thủy chung mà anh dũng quật cường của nhà văn “vùng đất ven sông” này.

Lũ chúng tôi chú trọng miêu tả tâm tư, khát vọng của thiếu nhi Nam bộ thời kháng chiến trong quá trình nhận thức cuộc sống, nhận thức chính bản thân để trưởng thành. Nhân vật ở đây hầu hết vào độ tuổi 14, 15, là con em gia đình cách mạng, cán bộ, bộ đội. Mất cha mẹ, người thân, đến với ngôi trường kháng chiến từ nhiều cảnh ngộ, công việc khác nhau: làm liên lạc, công vụ, vượt sông thoát khỏi sự giết chóc tàn bạo của kẻ thù, ... Ngôi trường như nơi sinh ra các em lần thứ hai. *Tuổi thơ trong làng* viết về thời kì

1 Hoàng Văn Bôn - Trần Thu Hằng tuyển chọn, *Hoàng Văn Bôn - Những tác phẩm tiêu biểu - Tập 3 - Văn học thiếu nhi*, Nxb Tổng hợp Đồng Nai, 2006. (Các dẫn chứng trong bài viết trích từ tài liệu này).

đất nước, đặc biệt là quê hương Đồng Nai sau Hiệp định Genève. Lấy bối cảnh một làng nhỏ ven sông, qua số phận của khá nhiều nhân vật trẻ em tốt bụng, nhiều mơ mộng như Hương, Phước, Hiền cụt, Quyên... tác giả tái hiện chân thực, sinh động hiện trạng xã hội và cuộc sống cơ cực, điêu tàn của người dân đồng thời nêu lên được ý chí quật cường, sự thủy chung với Đảng, với cách mạng, tinh thần đoàn kết, quyết tâm đánh giặc, không chịu làm nô lệ của dân tộc. Quân cướp nước và bán nước thất bại bởi chúng không thể nào giết chết sức sống trong bao trái tim thơ trẻ, không thể dập tắt tình yêu thương, chia sẻ ngọt ngào của các em, nhất là khát vọng tiếp bước ông cha của tuổi trẻ Việt Nam. Lòng căm thù, tình yêu quê hương, khát vọng noi theo truyền thống hào hùng của gia đình, lối xóm... tất cả hội tụ thành sức mạnh để các em làm khiếp đảm quân thù.

Chân dung con người miền Đông dưng cảm, thủy chung, nhân hậu hiện lên qua hình ảnh bao chàng trai cô gái hi sinh cả tuổi thanh xuân trong rừng xanh núi thẳm để làm tròn nhiệm vụ mà cách mạng giao phó, qua những người dân quê lam lũ trong tay không một tác sắt vẫn bám đất bám làng, quyết sống mái với kẻ thù hung bạo, đặc biệt qua một tập thể thiếu nhi anh hùng với một “tuổi thơ dữ dội”. Đó là thằng Út đánh xe ngựa “lo toan mọi việc nhà, từ chạy xe đưa đón khách kiếm tiền nuôi mẹ đến việc nấu cơm, giặt giũ giúp mẹ”, nhỏ tuổi mà có lòng tốt hiếm thấy (*Bên kia sông Đồng Nai*). Đó là những em bé tuổi nhỏ chí lớn như Lâm Kỳ Đạt, Mặt Dài, Huỳnh Thăng, Việt... (*Tướng quân Lâm Kỳ Đạt*), những cô bé, cậu bé măng sữa đã sớm lo toan, tự lập cuộc sống của mình như Bông, Sâm, Đoàn, Út, Cúc, Năm, Thắng, Ngọc đen... (*Lũ chúng tôi*). Sớm bước vào đời, hàng ngày hàng giờ đối mặt với bao gian nguy, chết chóc, vì thế đa phần các em đều già trước tuổi, cả trong nhận thức lẫn hành động. Biết làm sao được, hoàn cảnh chiến tranh sinh tử gang tấc, đó là cơ sở để họ sống, quan trọng hơn, để chiến thắng kẻ thù.

Bằng trang viết của mình, Hoàng Văn Bổng góp phần mới hóa một quan niệm đã có từ trước: nhân cách, tương lai con người được hình thành từ một nền tảng vững vàng. Nền tảng ấy chính là gia đình, truyền thống yêu nước thương nòi của bản làng, dân tộc. Chính gia đình, làng xóm là khởi thủy tạo nên tính cách của con người, đã khắc tạc vào tuổi ấu thơ những nguyên tắc đầu tiên của cuộc đời. Tình hoa gia đình thanh cao và cả dấu ấn dân tộc hào hùng đã hợp thành dưỡng chất nuôi lớn nhân cách của các em ngay từ thuở còn thơ. Đây cũng chính là một chủ ý của tác giả nhằm tô đậm quan niệm rất mới mẻ nhưng cũng rất xưa cũ của văn hóa, văn học dân tộc: các thiếu niên anh hùng, bên cạnh những điều phi thường, cũng chính là một con người bằng xương bằng thịt, được kết tinh từ truyền thống gia đình, tình làng nghĩa xóm, sức mạnh cộng đồng và thời đại.

2. Chất đồng thoại, kì ảo - yếu tính chinh phục bạn đọc nhỏ tuổi

Truyện thiếu nhi của Hoàng Văn Bổng giàu chất liệu hiện thực nhưng cũng không thiếu chất kì ảo, li kì - những phẩm tính đặc tuyển của văn học cho trẻ thơ mọi thời đại. Đến với thế giới đồng thoại đầy lạ lẫm cũng là một cách thức hữu hiệu để nhà văn tái hiện chân ảnh của cuộc sống, con người Đồng Nai trong mưa bom, bão đạn.

Ó ma lai cuốn hút, mê hoặc người đọc qua cuộc sống giữa ngàn già, như “con heo rừng độc chiếc, lấy rừng núi làm quê hương, hang động làm nhà, muông thú làm bè bạn, trăng thanh gió mát làm cảnh vật quê nhà” của chú bé Quý. Sức quyến rũ của truyện cũng đến từ bao chuyện bí mật, lạ kì mà lần đầu các em được biết: cuộc tử chiến giữa cọp và heo rừng độc chiếc, chuyện người ngậm ngải tìm trầm rồi hóa thú, cái dữ dần của chiến tranh đã “rừng hóa” con người... Đọc truyện, trẻ biết được bao bài học sinh tồn đắt giá từ người Mẹ-Thiên-Nhiên hoang sơ, kì bí, khắc nghiệt mà bao dung, độ lượng, hấp dẫn tuổi thơ: lấy lửa, chạy trốn

voi rừng, đánh hổ, bẫy thú... Truyện phảng phất phong cách chuyện đồng thoại - đường rừng, ở đó người và muôn thú, cỏ hoa giao cảm, hòa đồng. Sự hòa quyện giữa chất hiện thực và kì ảo trong *Ó ma lai* là nhân tố quan trọng để người viết nêu lên một chủ đề tư tưởng lớn: tình yêu loài vật, ý thức trân quý, bảo vệ môi trường, sống thân thiện, chan hòa với thiên nhiên, muông thú: *"Rừng này kì cục lắm... Ông voi, ông cọp... đến loài rắn độc như rắn hổ, nọc nia, máu găm, hổ ngựa... cũng vậy hết. Hễ mình tốt với nó, nó tốt với mình"*.

Đội quân hoa và cỏ là thiên đồng thoại anh hùng về nhân dân đánh giặc: muông thú, lá hoa cũng trở thành dũng sĩ diệt thù. Người viết đã để cho con trâu Chăn - vị tướng quân trí dũng song toàn - "tuyên ngôn" cho ý chí và hành động của con người miền Đông: *"Đồng Nai này là của tui, ai đụng đến nó, tui chém đứt ruột"*. Ở *Tuổi thơ trong làng*, chất cổ tích, huyền thoại bàng bạc, gợi dậy ở trẻ thơ niềm tin về chân lí, chính nghĩa, về sự tất thắng của cái đẹp, cái thiện ở đời. Các em chính là những Thạch Sanh, Quỳnh Như tái thế. Đó là những thiên thần nhỏ làm cho kẻ thù - những Lý Thông, chằn tinh bạo ngược - phải kinh hồn bạt vía.

Truyện của Hoàng Văn Bốn có nhiều điểm tương giao thú vị với những truyện viết cho thiếu nhi của người bạn tâm giao: nhà văn Tô Hoài. Đây đều là những sáng tác đậm chất đồng thoại về một vùng thẳm mĩ gần gũi với người viết. Nhưng nếu tác giả *Dế Mèn phiêu lưu kí* thiên về cuộc sống của những loài vật nhỏ bé ở cái làng Nghĩa Đô ngoại thành Hà Nội như một ẩn dụ về những kiếp người bé mọn, lầm than trước Cách mạng tháng Tám thì Hoàng Văn Bốn lại hướng đến muôn loài trong tự nhiên rộng lớn, vượt thoát những trói buộc, kìm tỏa để tìm về cuộc đời tự do. Đó là chân dung của một đất nước, dân tộc anh hùng trong mưa bom bão đạn: *"Ôi Việt Nam, xứ sở lạ lùng/ Đến em thơ cũng hóa những anh hùng/ Đến ong dại cũng luyện thành chiến sĩ/ Và hoa trái cũng biến thành vũ khí!"* (*Ê-mi-li, con...- Tổ*

Hữu). Truyện cũng gởi đến cho các em thông điệp giàu tính thời sự và ý nghĩa giáo dục cùng với tính nhân văn muôn thuở: biết sống vô sự, hòa ái với tạo hóa, với muôn loài để có cuộc sống tốt đẹp hơn.

3. Lối viết hòa kết truyền thống và hiện đại

Hướng đến độc giả nhỏ tuổi có thể là lí do quan trọng để Hoàng Văn Bôn chọn cho mình một lối viết giản dị, thực thà từ kết cấu đến ngôn ngữ, giọng điệu. Tính truyền thống dễ nhận ra qua cách tổ chức cốt truyện theo lối chương hồi: tất cả truyện nếu không được chia thành các chương hoàn chỉnh thì cũng được phân đoạn, đánh số tường minh. *Tướng Lâm Kỳ Đạt* với 100 trang khổ lớn được phân bố thành 19 chương: Sợi chỉ đỏ buộc cành tre; Ra đồng; Giành đồng; Cạo đầu; Lâm Kỳ Đạt xưng tướng; Sống chết có nhau; Hành động; Theo dõi bóng đen; Cái trống; Được khen; Bắt cá; Đả đảo chó béc-giê; Em bé mồ côi; Số tiền quý của đội; Chiếc khăn rằn; Một đêm bẽ bộn; Khẩu súng ngắn của Thần Nước Mặn; Đột nhập sào huyệt Thần Nước Mặn; Tướng Lâm Kỳ Đạt dũng cảm vượt sông. *Bên kia sông Đồng Nai* có 5 đoạn; *Về quê nội*: 6 đoạn; *Lũ chúng tôi* gồm 13 đoạn; *Tuổi thơ trong làng*: 14 đoạn... Mỗi đoạn kể lại một sự kiện/ biến cố quan trọng trong cốt truyện. Ngoài mối quan hệ mật thiết với tiến trình vận động chung của truyện, nó cũng có sự hoàn chỉnh, có ý nghĩa tự thân. Chẳng hạn, *Ó ma lai* gồm 10 đoạn, mỗi đoạn tương ứng với một nội dung: Đi tìm khỉ út; Gặp người rừng; Đoàn tụ với Suma; Làm rẫy; Kho quân nhu của bà mẹ; Mùa gặt; Chúa đảng “Rừng xanh”; Kho gạo bỏ quên; Bí mật Ó ma lai; Chia tay. Điều này phù hợp với tâm lí, thị hiếu đọc của trẻ, giúp cho câu chuyện dễ “bám” vào nhận thức và chuyển hóa thành hành động tích cực ở các em.

Kết cấu đối lập, tương phản cũng là kiểu tự sự chủ đạo trong các truyện thiếu nhi của nhà văn họ Hoàng. Nhân vật trong truyện hầu hết đều phân tuyến ta - địch, thiện - ác

rạch ròi. Ta là con người, là chính nghĩa, đẹp cả ngoại hình lẫn tâm hồn; địch là ác thú, phi nghĩa, xấu từ trong ruột xấu ra. Thời gian và không gian nghệ thuật cũng hiện diện rõ đặc tính này. Truyện có sự đối lập giữa ngày: tám tối, cực nhục, yếm thế, giam hãm - và đêm: sáng suốt, thông minh, gan dạ, tháo cũi sổ lồng. Không gian trong truyện cũng có sự phân cực với tính chất tượng trưng khá rõ: Chiến khu Đ, bên kia sông Đồng Nai là miền đất của tương lai, tự do; làng, ấp chiến lược Bình Long, “vành đai trắng” bên này sông là chốn tù hãm, nô lệ, áp bức, chết chóc, lầm than... Đó chẳng khác gì địa ngục trần gian với những gã ác ôn như Xicàque “*có cái lưỡi đen thui như lưỡi chó dữ, có một con mắt chột lúc nào cũng dầy ghèn*” (Ó ma lai).

Vẻ chân mộc thấm đượm trong lời văn nghệ thuật còn hiển lộ qua hệ thống phương ngữ Nam bộ vừa phải - một thứ gia vị làm trang viết thêm đậm đà, gợi nhớ. Đó còn là sự gia tăng tính đối thoại trong diễn ngôn vừa hướng đến cá tính hóa tâm lí, tính cách nhân vật, vừa tích cực thúc đẩy sự vận hành tự nhiên của cốt truyện. Đơn cử hai đoạn đối thoại của thằng Út và bé Năm trong truyện *Bên kia sông Đồng Nai*:

“*Đi một đoạn, Út đưa thêm cho con Năm một lá sen to bằng cái sàng gạo, nói:*

- *Che nằng đi Năm. Tóc vàng như lông bò.*

-*Sao Út không che đi? Tóc cũng trở vàng hoạch kia kia.*

- *Con trai không cần, cần cái khác.*

- *Cái gì?*

- *Một cây súng!”*

“- *Đáng lẽ trên mộ bia phải ghi tên tuổi kẻ giết người mới đúng... - Út lẩm bẩm.*

- *Làm sao biết hết được tên tuổi thằng giết người mà ghi? Con Năm cãi lại.*

- *Đành vậy! Nhưng không ghi ai biết được mà trả thù?*

- *Trả thù? - Con Năm trợn mắt hỏi.*

- *Chớ sao? Bây giờ không trả thù được thì sau này trả thù. Ba tui mà bị giết, dù tui có chết, tui cũng trả thù."*

Nghệ thuật kể chuyện của tác giả *Ó ma lai* cũng rất mới mẻ nhờ người viết đã nỗ lực thay đổi cách nhìn về hiện thực, con người đồng thời sử dụng những phương thức hiện đại trong nghệ thuật tự sự. Nhờ vậy, những trang viết cho thiếu nhi của nhà văn không bị lạc kênh tiếp nhận của độc giả hôm nay. Trước hết, đó là sự vượt thoát khỏi áp lực sử thi khi tiếp cận đề tài chiến tranh. So với giai đoạn trước, sáng tác của Hoàng Văn Bôn có sự chuyển đổi khá rõ trong cách nhìn nhận hiện thực, con người. Cuộc sống thời chiến hiện lên không chỉ với màu hồng lạc quan, tin tưởng mà còn xám buồn bởi tang thương, mất mát. Bên cạnh những phẩm chất phi thường, lãng mạn cách mạng, nhân vật cũng được soi ngấm từ góc độ đời tư với những bi kịch, khổ đau, ngậm ngùi riêng nhỏ, âm thầm của họ. Ông cọt vằn - chúa đảng "*Rừng xanh*" là một người hùng với "*khuôn mặt vuông, góc cạnh như tạc bằng đá, đầy sẹo. Đôi lông mày lưỡi mác đã bạc, có nhiều sợi cong queo. Mái tóc hoa râm phủ rợp gáy, loăn xoăn chòm xuống vầng trán vuông hằn đầy vết nhăn*". Nhưng với dung mạo kì hình dị tướng, ông cũng đồng thời là con người cô độc, đáng thương: "*Tránh tao hết. Ai cũng sợ cái mặt của tao (...) Hơn hai chục năm qua, ai cũng lánh tránh tao. Tao bơ vơ như cô hồn các đảng, như ma vương quỷ sứ...*"

Vận dụng sáng tạo vốn văn hóa, văn học dân gian - một biểu hiện của thủ pháp lắp ghép, liên văn bản trong cấu trúc tác phẩm - cũng là nét riêng trong lối viết của tác giả. Những câu ca dao, tục ngữ, đồng dao, bài hát, giai thoại... được sử dụng như một thành phần tất yếu của cấu trúc trần thuật đã gia tăng sức mạnh phản ánh, biểu đạt

của lời văn nghệ thuật, thay đổi đáng kể tâm lí, khẩu vị đọc của độc giả: *Ai đi công tác đường xa/Dừng chân ghé quán ông Ba cạo đầu (Lũ chúng tôi); Làm trai cho đáng nên trai/Phú Xuân cũng trai, Đồng Nai cũng từng (Tuổi thơ trong làng);* nhiều câu chuyện nửa thật nửa hư về người rừng - xà niêng, heo rừng độc chiếc, đám tang voi rừng... (*Ó ma lai*) v.v... Cái duyên của nhà văn là biết cách vận dụng, cài đặt chúng đúng chỗ, đúng người, đúng việc, nhờ vậy mạch truyện không bị cắt vụn, không sa đà rào đón dài dòng mà rất liên hoàn, thuyết phục, gia tăng đáng kể chất văn xuôi của truyện.

Trong nhiều truyện, ta cũng thường gặp kiểu kết thúc để ngỏ. Khép lại *Lũ chúng tôi* là “lời thách thức sống sao cho xứng đáng là học sinh trường tiểu học kháng chiến Tân Uyên, nơi có Chiến khu Đ vang lừng chiến công”. Với truyện *Ó ma lai*, đó là cảnh “mấy chú khỉ vệ sĩ lau nước mắt, chấp hai tay xá xá hướng ra đi của Quý và Suma”. Còn *Tuổi thơ trong làng* thì kết thúc bằng sự kiện thằng Hiền dẫn con nhỏ Hương qua sông Đồng Nai và niềm tin sắt đá của ông Tám thương binh khi bị giặc bắt: “*Tao chưa tiêu diệt chúng mày được, con cháu tao, con cháu Bình Long, Đồng Nai sẽ làm thôi...*”. Tướng Lâm Kỳ Đạt dừng lại ở sự kiện nhân vật trung tâm sang sông báo cho các chú bộ đội, du kích về làng tiêu diệt bọn ác ôn. Ở *Bên kia sông Đồng Nai*, đó là chi tiết về sự sáng mắt sáng lòng của Bảy Quý - kẻ lầm lỡ làm tay sai cho giặc: “*Bảy Quý hự hự trong cổ, xoay trở trên cái tháp canh chật chội, tù túng, lảm bảm: “Con đường ở chỗ đó, mà mình cứ loay hoay tìm hoài...”*. Kiểu kết thúc này thể hiện điểm nhìn hạn tri của người viết khi trao quyền đồng sáng tạo cho người đọc. Nhờ thế, truyện có sức khơi mở tưởng tượng, đánh động cảm xúc, để lại nhiều ấn tượng thẩm mĩ sâu bền cho độc giả. Điều đó cũng phần nào cho thấy sự cởi mở, dân chủ của văn học thiếu nhi đương đại.

Sau 1975, văn học Việt Nam chứng kiến sự bùng phát mạnh mẽ của văn xuôi có yếu tố tự truyện: *Chiều chiều, Ba người khác* (Tô Hoài), *Tiền định, Cuốn gia phả để lại* (Đoàn Lê), *Hành trình ngày thơ ấu* (Dương Thu Hương), *Tuổi thơ dữ dội* (Phùng Quán), *Đường về với mẹ Chữ* (Vi Hồng), *Tuổi thơ im lặng* (Duy Khán), *Miệt vườn xa lắm* (Dạ Ngân), *Miền xanh thắm* (Trần Hoài Dương), ... Đây là kết quả của sự gặp gỡ giữa nhu cầu tự thân của người viết và sinh quyển văn học tích cực thời đổi mới. Truyện cho thiếu nhi của Hoàng Văn Bôn cũng không là ngoại lệ. Đa phần đó là những truyện dài đậm phong cách hồi kí - tự truyện, ở đó người viết phục dựng sinh động tuổi thơ của bản thân, bè bạn, làm sống dậy quá khứ bi hùng của quê hương yêu dấu. Qua màn sương kí ức, qua vách ngăn hoài niệm, chuyện hiện lên vừa chân thật vừa lạ lùng, vừa gần gũi vừa kì ảo, rất hiện thực mà cũng rất đổi nên thơ. Các nhân vật trong truyện *Lũ chúng tôi* hầu hết là có thật hoặc gần như thật. Đó là những bạn bè, đồng nghiệp, học trò... mà nhà văn đã cùng chiến đấu, lao động, học tập ở ngôi trường tiểu học kháng Chiến khu Đ trong khoảng thời gian những năm 1946 - 1950. Ở *Tướng Lâm Kỳ Đạt* - một trong bốn quyển sách được thiếu nhi cả nước đặc biệt yêu thích trong những năm 1962 - 1965, những kí ức của thời chăn trâu cắt cỏ với những trò tinh nghịch trẻ con của chính nhà văn cùng bạn bè được tái hiện sinh động, hấp dẫn.

Về quê nội được viết sau hơn mười lăm năm diễn ra hành trình từ Bắc vào Nam của gia đình nhà văn. Vậy mà kí ức vẫn tươi nguyên, sống động. Khoảng thời gian ấy cũng đủ để người viết chiêm nghiệm những được mất của dân tộc để có cái nhìn thấu suốt về phận người sau lửa khói điêu linh. Nhà văn nhập vai cô con gái Hoàng Dương đang học lớp 9 để kể về chuyến hành phương Nam đáng nhớ của mình. Với cách nội quan hóa trần thuật này, những câu chuyện chân thật, cảm động về gia đình, đồng chí, bè bạn, về tình

đồng loại, tình quê hương đất nước, những kí ức một thời đạn bom và hậu chiến nhiều hào hùng mà cũng không ít gian khổ, đắng cay sống dậy, tươi mới, cảm động vô cùng. Lối tự truyện - nhập vai làm cho câu chuyện diễn ra tự nhiên, không gượng ép, già cỗi bởi cái nhìn người lớn, mà rất hồn nhiên, gần gũi với trẻ thơ. Đó cũng là cơ sở để tác giả gián tiếp gợi gắm những vất vả của một nhà văn - chiến sĩ: vừa ẵm con nhỏ trên tay trái, tay phải cầm bút viết, viết cả trong lúc nằm hầm tránh bom, pháo địch...; những chiêm nghiệm về nghề viết khi tự nhận mình *“chẳng giỏi giang gì đâu. Ông trời phú cho chút thiên tư, năng khiếu, rồi thì lao động, học tập, lao động cật lực, không biết đâu bến, đâu bờ”*; những thổ lộ rất thực lòng: *Đi đến cuối đời chẳng hiểu mình đã thực sự là nhà văn chưa ?...*

* *

*

Viết nhanh, viết bằng sự dồn thúc mạnh mẽ của cảm xúc, vì thế, sáng tác cho thiếu nhi của Hoàng Văn Bôn cũng khó tránh được những hạn chế nhất định. Một số sự kiện dàn xếp hơi giản đơn, dễ dãi. Kết truyện *Về quê nội* khá hụt hẫng. Giữa lúc người đọc mong chờ cuộc hội ngộ với quê nội ruột rà của cái gia đình nhỏ ấy, chờ được xem tâm trạng, tình cảm của mấy đứa trẻ nơi miền đất mới mà chúng hằng ước mơ thì nhà văn đột ngột đặt dấu chấm hết. Cái kết mở của truyện với dụng ý tô đậm ý nghĩa tượng trưng của một chuyến hành trình nối nhịp nghĩa tình sau ngày thống nhất đất nước xem ra hợp với tâm đón đợi của người lớn hơn là con trẻ. Một vài triết lí kiểu như *“Học ăn học nói học gói học mở, cả học khóc nữa, bởi học khóc cho ra khóc, khó lắm”* (Ó ma lai) xem ra khá vượt tầm trẻ thơ, dấu rằng nhân vật ở đây là trẻ em - chiến sĩ, do hoàn cảnh riêng, họ đã phải sớm tự lực để sinh tồn, để bảo vệ làng xóm quê hương nên già dặn, trưởng thành so với tuổi.

Huỳnh Văn Tới, người có nhiều gắn bó với đời người - đời văn Hoàng Văn Bôn, đã rất tinh tế khi cho rằng ông là nhà văn “*từ khoai củ mà ra*” và định danh mình bằng một lối viết “*mộc mạc, hồn hậu, chơn chất như cuộc sống vốn có, như chính tính cách của tác giả. Nó nén chặt cái tình, cái nghĩa, cái cá tính vào lời*”¹. Đây cũng là dấu ấn mà người viết để lại trong những trang viết cho tuổi thơ. Dấu tự nhận mình là người đến với văn chương “*hoàn toàn do cách mạng kháng chiến và quân đội*”, “*sáng tác như một sự phân công của cách mạng*”², nhưng truyện thiếu nhi của ông không phải vì thế mà khuôn mòn, cứng cũ; ngược lại, chúng khá mới mẻ, hiện đại, cả trong cách nghĩ, cách viết đều rất gần gũi, sát hợp với trẻ thơ hôm qua và hôm nay.

Nhiều người đã nói đến mối quan hệ mật thiết giữa văn học với lịch sử dân tộc. Những sáng tác của Hoàng Văn Bôn phục dựng và lưu giữ mãi một thời đoạn gian nan mà sôi động, cực nhọc mà hào hùng, đau thương mà kiêu dũng của Đồng Nai nói riêng, Việt Nam nói chung. Trong thời đại ngày nay, cần lắm những trang viết làm giàu có, phong phú hóa tâm hồn, bản lĩnh giới trẻ như thế.

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 5 - 2016

1 Huỳnh Văn Tới, *Hoàng Văn Bôn - Dấu ấn một đời người - một đời văn*; Trong *Hoàng Văn Bôn - Những tác phẩm tiêu biểu - Tập 1 - Tiểu thuyết*; Hoàng Văn Bôn - Trần Thu Hằng tuyển chọn, Nxb Tổng hợp Đồng Nai, 2005; tr.13.

2 Văn Thanh (Biên soạn), *Tác giả văn học thiếu nhi Việt Nam*, Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội, tr.104.

Hoàng Văn Bốn nhớ và viết từ Hà Nội

Đại tá NGÔ VĨNH BÌNH

Nhà văn, nguyên Tổng biên tập tạp chí Văn nghệ Quân đội.

Đồng Nai, nơi tạp chí Văn nghệ Quân đội và Hội Văn học nghệ thuật Đồng Nai đã cùng nhau tổ chức một trại viết đông đảo và tưng bừng cho các nhà văn khu vực miền Đông cách nay chưa lâu (mùa hè năm 2013) không chỉ là một vùng đất nặng tình đất đỏ, cửa ngõ Chiến khu Đ. anh hùng trong kháng chiến chống thực dân Pháp, nơi diễn ra trận đánh lịch sử, trận Xuân Lộc mùa xuân năm 1975 - trận đánh đã đi vào quân sử và văn học... mà còn là nơi sản sinh, chõ tào ngộ của nhiều thế hệ cầm bút tài danh. Bạn có dịp về đây, bạn sẽ được gặp lại, đọc lại một Lý Văn Sâm với những cánh rừng âm u, chim kêu vượn hót, cò trắng rừng xanh; một Huỳnh Văn Nghệ với những câu thơ bất hủ:

"Ai về Bắc ta đi với

Thăm lại non sông giống Lạc Hồng

Từ thuở mang gươm đi mở cõi

Trời Nam thương nhớ đất Thăng Long".

Rồi nữa, là Bình Nguyên Lộc với *Đò dọc*, Trần Bạch Đằng với *Bác Sáu Rồng*, *Chân dung một quản đốc*, Hoàng Văn Bốn với *Bông hường bông cúc*, *Tướng Lâm Kỳ Đạt*... mà ở trong đó những sự kiện, những cảnh, những người hiện lên một cách chân thực và sống động, đồng thời cũng... rất Đồng Nai!

Hoàng Văn Bốn tên khai sinh là Hoàng Văn Bản, sinh ngày 7/5/1928 tại Bình Lợi, xã Bình Long, huyện Tân Uyên,

tỉnh Thủ Biên (nay thuộc huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai) và mất ngày 12/5/2006 tại thành phố Biên Hoà. Cuộc đời 79 mùa xuân của ông là cuộc đời gắn liền với cây súng và ngọn bút. Là cán bộ cao cấp của quân đội trưởng thành từ chiến sĩ, đi qua trọn hai cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc, là nhà văn là nhà biên kịch tài năng và có “đẳng cấp” của văn học, của điện ảnh cách mạng. Ông thực sự là niềm hãnh diện của quê hương Đồng Nai. Là nhà văn có chân trong Trung ương Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam; đồng thời ông cũng là nhà văn có công lớn trong việc tập hợp đào tạo những tài năng của văn nghệ của quê hương và các tỉnh miền Đông Nam bộ, xây dựng Hội Văn nghệ và Nhà xuất bản Đồng Nai.

Có một điều rất thú vị là, trong số những nhà văn mà tên tuổi mà văn nghiệp gắn với miền đất này có rất nhiều những người đã từng ở, từng công tác, là công dân một thời của “phố nhà binh” - phố Lý Nam Đế, Hà Nội - nơi Tạp chí Văn nghệ Quân đội đặt trụ sở tòa soạn như: Tướng quân thi sĩ Huỳnh Văn Nghệ, nhà văn liệt sĩ anh hùng Nguyễn Thi, nhạc sĩ liệt sỹ anh hùng Hoàng Việt, nhà văn Hoàng Văn Bổng, nhà văn Nam Hà, nhà thơ Xuân Sách... Trong số văn tài này, có hai người con của đất Đồng Nai “thứ thiệt” cùng một thời khoác áo nhà binh; đồng thời là “láng giềng” của nhau giữa đất Thủ đô là tướng quân - thi sĩ Huỳnh Văn Nghệ và nhà văn Hoàng Văn Bổng (Tướng quân ở số 10, nhà văn ở số 17 cùng phố Lý Nam Đế, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội).

Hoàng Văn Bổng có tiểu thuyết *Vỡ đất* được Giải Cửu Long năm 1953. Và nếu tính từ khi ấy đến khi mất (2006), ông đã có hơn 50 năm cầm bút với hơn bốn chục cuốn sách. Trong đó có những tác phẩm được tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật (2007) như: *Trên mảnh đất này*, *Mùa mưa*, *Hàm Rồng*, có nhiều bộ tiểu thuyết đồ sộ như: *Bông hường bông cúc*, *Khắc nghiệt* - 4 tập, *Nước mắt già*